

LINH BẢO

TÀU NGỰA CŨ

truyện ngắn



đời nay
1961

Tàu ngựa cũ

Linh Bảo

tàu ngựa cũ

Linh Bảo

Bìa: *NXB Đời Nay*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

tàu ngựa cũ

LINH BẢO

**ĐỜI NAY
1961**

MỤC LỤC

Đôi điều về tác giả và tác phẩm	11
1. Tàu ngựa cũ	19
2. Biên giới	41
3. Quà Tết	66
4. Người quân tử	84
5. Một chuyến lên bờ	103
6. Áo mới	123

7. Một truyện ngắn hay nhất	152
8. Đông Sơn Ký	181
9. Ngày giỗ mẹ	201



Nhà văn Linh Bảo (Võ Thị Diệu Viên)
ảnh chụp tại Hương Cảng

Chân Dung Kẻ Sĩ: “Tàu Ngựa Cũ” là tác phẩm trong tập truyện cùng tên của nhà văn Linh Bảo, thắng giải thưởng Văn chương Miền nam năm 1961. Tác phẩm đầu tay của Linh Bảo viết tại Hương Cảng năm 1952 có tên Gió Bắc, sau được đổi thành Gió Bắc theo gợi ý của chủ soái

Tự lực văn đoàn, nhà văn Nhất Linh. Nhận xét về tài văn của Linh Bảo, nhà văn Bình Nguyên Lộc ca ngợi: “Ba mươi năm nữa chưa chắc đã có người làm theo được”. Một nhà văn khác rất nổi tiếng trên văn đàn Miền nam trước 1975 thì nói: “Trong số những người đàn bà viết văn ở ta hiện nay, có lẽ Linh Bảo là có tài nhất”. Đây chính là là lời nhận xét của nhà văn Võ Phiến.



“Tàu Ngựa Cũ” đã được giải thưởng Văn chương Toàn Quốc của Việt Nam Cộng Hòa năm 1961.

Tàu Ngựa Cũ được trao giải văn chương 1961. Năm đó có ba giải văn học, nhà xuất bản Ngày Nay chiếm hai giải: cuốn *Thềm Hoang* giải nhất truyện dài của Nhật Tiến, *Tàu Ngựa Cũ* tuyển tập truyện ngắn của Linh Bảo, Gìn Vàng Giữ Ngọc của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản.

Tàu Ngựa Cũ là tuyển tập chín truyện ngắn của Linh Bảo đã đăng tải trên tạp chí Văn Hóa Ngày Nay của Nhất Linh và Tân Phong của Nguyễn Thị Vinh, Trương Bảo Sơn. *Tàu Ngựa Cũ* được trao giải thưởng Văn chương 1961. Học giả Nghiêm Xuân Việt, Văn bút Việt Nam “với thiện chí trao đổi văn hóa với ngoại quốc” đã chọn hai truyện Người Quân

Tử và Áo Mới trong Tàu Ngựa Cũ dịch ra Anh ngữ với tên truyện The Noble Man và Our Brand New Robes và gửi đi dự cuộc thi truyện ngắn do International PEN tổ chức 1961. Thành phần ban giám khảo gồm những tên tuổi như: Storm Jameson (Anh), André Maurois (Pháp), và Whit Burnett (Mỹ).

Kết quả là cả hai truyện ngắn này được tuyển chọn vào chung kết trong số 26 truyện ngắn quốc tế hay nhất năm đó. Cũng thời gian đó Linh Bảo đang sống ở Luân Đôn. Hình như sau đó, hai truyện ngắn này được PEN Vietnam Centre dịch sang tiếng Pháp: L'homme noble, và Robes Nouvelles để in trong tuyển tập truyện ngắn của Văn Bút Việt Nam.

Tàu Ngựa Cũ là một truyện ngắn được lấy tên cho toàn tập truyện. Đó là truyện tình nhẹ nhàng cảm động. Kỳ

trong một chuyến tàu đi suốt từ Huế vào Sài Gòn, anh ao ước có một người bạn đồng hành để có thể truyện trò. Rất tình cờ từ một ga xếp, một thiếu nữ lên tàu ngồi bên cạnh Kỳ. Với nốt ruồi đỏ như son trên cổ tay thiếu nữ, Kỳ bỗng nhận ra Thơ người bạn gái xa cách từ lâu, thuở hai người rất yêu nhau. Họ nhận ra nhau và hạnh phúc được ngồi bên nhau trong những kỷ niệm hồi tưởng. Nhưng khi con tàu ghé Nha Trang thì người vợ của Kỳ xuất hiện. Cô gái lặng lẽ bước xuống tàu, không nói một lời chia tay. Tất cả thoáng diễn ra như một giấc mơ. Kỳ trở lại cuộc sống thực tế với một người đàn bà ngồi bên cạnh là vợ chàng. Kỳ có cảm giác mình như một con ngựa đã thuần hóa và từ nay chỉ có một con đường trở về như con ngựa trở về tàu ngựa cũ.

Người Quân Tử là câu chuyện của một cô gái trẻ đẹp tên Dung, đang làm cho một hãng hàng không, sống độc lập bỗng dưng rơi vào nghịch cảnh trong vòng kiểm tỏa của một người đàn ông đã có vợ nhưng nhiều thủ đoạn, nham hiểm và cả bạo hành; hắn đã biến Dung thành cô “thư ký vạn năng” cùng lúc đóng nhiều vai người tình, người vợ không bao giờ cưới vẫn phải đẻ con lấy họ mẹ, Dung được người đàn ông ấy đối xử như người đầy tớ gái nhưng vẫn nhồi sọ Dung rằng chính hắn mới là kẻ gia ơn và bao bọc, hắn là người quân tử đến mức chính Dung cũng tin là như vậy và khuất phục cam chịu.

Áo Mới với bối cảnh một gia đình của một thời vang bóng nơi kinh đô Huế cổ xưa của một triều đại phong kiến đang suy tàn. Truyện kể về sự tích một chiếc

áo do mẹ vua ban mà bà mẹ đem về cho các con. Do gốc tích cao sang chiếc áo được giữ gìn chuyển qua tay những đứa con từ lớn xuống bé và chỉ được dùng trong những dịp giỗ tết nhưng khi đến phiên Hoa đứa con gái nhỏ nhất vì qua thời gian chiếc áo ấy đã bị mục nát. Hoa đã khóc trong ngày Tết năm đó vì không được mặc chiếc áo mơ ước, để rồi sau này lớn lên cô gái đi làm có tiền có thể mua sắm bao nhiêu chiếc áo mới nhưng lúc đó đã mất mẹ nên cô gái chẳng còn thấy đâu niềm vui để khoác lên những chiếc áo mới ấy.

(Trích ĐẾN VỚI LINH BẢO
TỪ GIÓ BẮC TỚI MÂY TẦN
– Ngô Thế Vinh – 4 tháng 7-2015)

TÀU NGỰA CŨ

Những tiếng động ồn ào bên mình làm Kỳ búng tỉnh. Anh không cần mở mắt nhìn cũng biết tàu đã đến một ga nào đấy, hành khách đang chen chúc lên xuống, và trong số đó chắc có người sẽ là bạn đồng hành của anh. Kỳ đã lên tàu từ ga Huế và sẽ đi suốt đến Saigon. Trải qua bao nhiêu ga, bao nhiêu người vào căn phòng hạng nhì này, cùng ngồi tàu với anh một lúc rồi lại đi. Có người ngồi lâu, nói được vài mẩu chuyện

trời mưa nắng, có người, Kỳ tránh nhìn họ để khỏi phải bắt chuyện. Kỳ mong mỗi gặp một bạn đồng hành đi suốt với anh quãng đường dài này, và giá hợp chuyện nữa thì sung sướng biết bao! Anh không nhớ hết những ai đã vào cùng ngồi với anh. Đầu tiên là một bà cụ già đi với cô con gái. Anh chưa nhìn, cô em đã then thò quay mặt đi nơi khác, nhưng nàng nhìn trộm anh trong tấm cửa kính. Bà cụ nhờ anh sắp đồ đạc cẩn thận, làm Kỳ tưởng bà cũng đi xa như anh, nhưng mới đến ga thứ nhất, bà đã kéo cô con, lếch thếch xuống tàu, vội vàng như bị ma đuổi.

Kỳ không thất vọng, vì đường dài lắm, anh sẽ còn cơ hội gặp người bạn đường khác. Nhưng từ lúc ấy trở đi, bao nhiêu người lên xuống, người nào cũng chào hỏi, nhưng anh chưa cảm thấy hợp

chuyện, họ đã xuống ga rồi.

Mãi cho đến bây giờ, đi đã gần nửa đường, Kỳ thấy hơi chán, không còn hy vọng có một bạn đường vừa ý nữa. Anh đem báo ra đọc. Đọc hết cả tin tức, tiểu thuyết, quảng cáo, lại thuộc lòng cả một tá thơ tương tư của một nữ sĩ. Anh hơi lạ, vì thấy nữ sĩ tả hoa tương tư, lá tương tư, núi sông tương tư, mà không thấy nói đến người tương tư. Không lẽ cái tương tư của con người không đáng nói.

Kỳ che tờ báo lên mặt, giả vờ ngủ. Anh chán nản lắm rồi. Bây giờ, bên cạnh anh, ai lên xuống, ga nào, người ít nhiều, anh cũng mặc, không nhìn nữa.

Kỳ biết có người vào phòng anh. Trước hết, chắc là một thiếu nữ, vì nghe bước chân nhẹ nhàng và mùi nước hoa thoang thoảng. Theo sau, là hai thanh

niên còn trẻ lắm, vì anh nghe thấy họ hành động nhanh nhẹn và nói cười có vẻ đầy nhựa sống.

Thiếu nữ ngồi bên cạnh Kỳ, có lẽ nàng thấy ngồi bên cạnh người ngủ say, trên mặt lại còn che một tờ báo, sẽ yên ổn hơn ngồi cạnh hai chàng thanh niên có vẻ “sát khí đằng đẵng” kia.

Một thanh niên nói:

– Tôi đã bảo, xuất hành nhằm giờ “túc hỷ”, thế nào cũng gặp “giai nhân”.

Kỳ cười thâm. Anh thấy “mặt trận” sắp được dàn ra rồi, chắc thú vị lắm.

– Sơn cũng đồng ý với Nam, nhưng yêu cầu Nam nên nhường cho Sơn thì hơn.

– Vì lý do gì?

– Lý do thứ nhất: vé tàu của Sơn, Nam mua hộ. Lý do thứ hai: Sơn nhiều tuổi hơn Nam, “kính lão đắc thọ” mà! Ba la...

– Là gì?

– “Quả nhân hữu tật”...

Kỳ suýt bật cười lên tiếng. Trong chốc lát, cả một thời thanh niên trẻ trung của anh hiện ra trong ký ức.

Thuở ấy, cách độ hơn mười năm, Kỳ cũng còn hăng say như hai anh chàng này, và cũng đã có lần từng chế nhạo các bạn: “Quả nhân hữu tật”. Đó là câu tự thú của một ông vua ngày xưa: “Quả nhân hữu tật, quả nhân hiếu sắc”. Chỉ nói lên về đầu, người ta sẽ hiểu về thứ hai. Những người bạn ấy, có người đã sống cùng anh một thời gian khá lâu, có người thỉnh

thoảng còn gặp, có người chỉ trông thấy vài lần rồi không bao giờ gặp lại nữa.

Thiếu nữ chùng khó chịu vì hai chàng thanh niên “nghiên cứu dung nhan” kỹ quá, nên cũng lấy một tờ báo che mặt như đọc.

Có tiếng thở dài:

– Thôi, chúng mình đành đọc báo vậy! Sơn đọc một tờ, Nam đọc một tờ, đã có người cầm hộ.

Nam vẫn tinh nghịch:

– Hai tờ báo! Nối liền nhau không biên giới. Thực là “Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc”.

Kỳ thấy bọn họ dễ thương quá. Kỳ ao ước giá bọn họ cũng đi đến Saigon, chắc anh sẽ không đến nỗi buồn lắm. Kỳ giờ

tờ báo ra nhìn họ với cái nhìn đầy thiện cảm.

– Chắc chúng tôi làm ông mất ngủ?

Kỳ mỉm cười:

– Không sao. Có các ông ngồi cùng phòng, nói chuyện càng vui, quên được đường dài.

Kỳ quay sang nhìn thiếu nữ. Bày tay nàng cầm tờ báo hơi rung rung. Kỳ thấy tự nhiên tim mình đứng hẳn lại. Nốt ruồi đỏ như son trên cổ tay thiếu nữ, trông quen thuộc quá. Chỉ có một người anh quen, có nốt ruồi như thế. Người ấy đã đi bên cạnh anh trong một thời gian, ngày xưa, thời loạn ly...

– Ông xuống ga nào ạ?

Kỳ trả lời như người mất hồn:

– Ga cuối cùng.

– Chúng tôi cũng thế. Ông cho phép chúng tôi tự giới thiệu: chúng tôi là sinh viên.

– Trường?

– Đại Học Văn Khoa ạ. Còn ông?

– Tôi được mời đi dạy. Cũng Đại Học Văn Khoa. Chắc chúng ta còn gặp nhau nhiều.

Sơn và Nam nhìn nhau.

Kỳ thấy mình nói dối tự nhiên quá. Câu nói bật ra trong lúc anh vẫn còn nhìn nốt ruồi trên tay thiếu nữ. Anh không hiểu mình có ý định gì, nhưng câu nói của anh có hiệu nghiệm ngay lập tức. Hai sinh viên ra dấu cho nhau và cùng sang toa khác. Chắc họ không muốn

ngồi chung với người có thể là ông giáo của họ.

Tàu vẫn chạy trong đêm, và đêm cũng đã khuya lắm rồi, nhưng Kỳ không thấy buồn ngủ tí nào nữa. Anh nhớ đến bàn tay người bạn gái năm xưa, bàn tay anh đã cầm nhiều lần. Không biết có phải đúng là Thơ ngày xưa của anh không. Bàn tay gầy tay anh lắm, nhưng anh không dám nắm lấy. Bàn tay ấy không đẹp, không chải chuốt, không có móng đỏ như máu, nhọn như vuốt, giống hệt như bàn tay anh đã nắm ngày xưa, nắm một cách yêu thương tin cậy, và lòng êm dịu, bình yên, thỏa mãn như người nằm đúng vào chăn đệm và giường của mình trong một đêm rét mướt mưa bão.

Kỳ vừa ao ước nàng là Thơ, vừa mong không phải. Nếu không phải, chắc anh sẽ băng khuâng mất vài hôm rồi lại đầu vào

đấy. Nhưng nếu nàng là Thơ thật tình thì sao? Trong chốc lát, Kỳ thấy trong tim mình như định ra một biên giới. Đây là tình yêu vợ, yêu con, đây là tình . . . như nước sông, nước suối, nước thác, mỗi dòng nước có một con đường riêng, không hề xâm phạm đến nhau, nhưng tất cả đều đổ về lòng bể, là anh.

Nếu đúng là Thơ, anh sẽ không để cho nàng đi thoáng qua như những người bạn đường kia nữa. Nàng sẽ ở bên anh mãi mãi và sẽ đi cùng anh đến ga cuối cùng của cuộc hành trình, cũng như đến ngày cuối cùng của cuộc đời.

Thiếu nữ hình như ngủ say. Nàng bỏ rơi tờ báo xuống, đầu nghiêng về một bên. Kỳ thấy lạnh hắt cả người. Đúng là Thơ ngày xưa rồi. Hình bóng Thơ nằm yên lặng trong tâm hồn suốt bao nhiêu năm trời, bây giờ hiện ra trước mắt anh

bằng xương bằng thịt. Thơ già dặn hơn, nhưng những nét vẫn là Thơ ngày xưa. Mi mắt Thơ tuy nhắm, nhưng lòng mắt bên trong rung rung. Nếu Thơ ngủ thật, chắc nàng đang mơ một giấc mơ buồn. Nét mặt Thơ cố đè nén một cảm xúc gì. Kỳ thấy muốn để đầu Thơ ghé vào vai mình, như thế, chắc Thơ sẽ dựa êm ái hơn, ngủ ngon hơn, và không thể nào mơ những giấc mơ ghê sợ nữa.

Mí mắt Thơ bỗng rung động mạnh và hai giọt nước mắt chảy ra, đem theo cả một dòng, lan tràn trên má. Thôi, Thơ không hề ngủ tí nào cả, nàng chỉ giả vờ ngủ để kéo dài thời gian trước phút nhìn được nhau. Chắc Thơ cũng đã nhận được ra anh lâu rồi. Thơ chỉ nghe giọng anh nói, cũng như anh chỉ nhìn bàn tay, cũng biết được nhau. Lần này Kỳ quả quyết

lắm. Anh nhất định nắm lấy tay Thơ, rồi ra thế nào thì ra.

Thơ mở mắt nhìn anh, nói rất nhẹ:

– Em không ngờ. Có người cho em biết anh chết sau lúc xa em mấy tháng.

– Anh cũng không ngờ. Nghe kể lại, mẹ em đặt bàn thờ và tụng kinh cho em một trăm ngày. . . anh ngờ sao được!

Kỳ kéo đầu Thơ dựa vào vai anh như trước đây mấy phút anh đã ao ước được như thế.

Hai người cùng yên lặng, hình như không còn nghe thấy gì ngoài tiếng đập của trái tim.

Tàu bỗng hình như chạy mau hơn một cách kỳ lạ và dễ ghét. Kỳ vuốt tóc Thơ, thì thầm:

– Chúng mình đã đi được nửa đường rồi mới bắt được nhau.

Thơ cổ nén cảm xúc:

– Nửa đường của chuyến xe suốt, và cả của cuộc đời!

– Cũng còn kịp để gặp nhau!

– Muộn chưa hử anh?

– Chưa em ạ. Đường còn dài, đời cũng còn một nửa để chúng ta nhìn thấy nhau, ngồi cạnh nhau, sống với nhau. Đừng làm sóng gió nữa em, đừng làm khổ nhau, đừng làm khổ mình, đừng tự ngược đãi mình nữa. Bây giờ, anh không để em thoát. Không có gì trên đời này có thể cản trở chúng ta được nữa!

Kỳ không hiểu tại sao anh có thể nói ra được những câu trái với sự thật như

vậy. Ai cho phép anh được ngồi với Thơ, sống với Thơ? Anh rất thành thật với lòng. Anh nói những lời xuất phát từ trái tim và đồng thời cảm thấy rất chua xót, không biết làm cách nào để Thơ hiểu rõ, để cho Thơ biết sự thật, biết anh không còn tự do nữa. Anh muốn giữ Thơ trong cuộc hành trình đi đến phần mộ trong đời mình, mặc dầu biết không có một điều kiện nào.

Như muốn tránh sự thực hiện tại, anh bảo Thơ:

– Em đừng nói gì nữa. Chúng mình sẽ có rất nhiều thì giờ nói chuyện. Bây giờ, hãy để yên cho anh ngồi bên cạnh em, biết có em trong tay. Chúng ta đã lỡ nhau suốt nửa đời người rồi. Yên cho anh sung sướng gặp em . . .

– Ngày xưa . . .

- Đừng nhắc đến ngày xưa nữa em..
- Ngày mai . . .
- Cũng đừng nói đến ngày mai!

Hai người cùng yên lặng và hiểu nhau hơn lúc nào hết.

Thơ nhắm mắt lại, ngả đầu vào vai Kỳ! Tàu chạy đều và rung nhẹ, vai của người mình yêu quý, làm gối rất êm. Mi mắt Thơ không còn thấy rung rung nữa, nếu Thơ ngủ được, chắc giấc mơ sẽ yên lành biết bao.

Kỳ nhìn ra ngoài trời. Trời đen nhưng trong, mây sáng lơ thơ giăng mắc khắp không trung. Muôn ngàn vì sao lấp lánh rực rỡ, có những sao băng xẹt ngang rất nhanh rồi tắt hẳn. Kỳ ao ước giá còn được lòng tin tưởng thơ ngày xưa, ngày anh còn bé ở làng quê. Hồi ấy, mỗi khi

thấy sao băng, anh cởi nhanh một cúc áo và nói một điều ước. Anh không nhớ những điều anh ao ước có bao giờ thành sự thực, linh nghiệm như lời bà anh vẫn bảo không, vì anh quên ngay hôm sau. Bây giờ, nếu còn hy vọng và tin tưởng được, anh chỉ ao ước có Thơ trong tay anh mãi mãi.

Tàu đến Nha Trang lúc trời vừa sáng. Kỳ và Thơ cùng nhìn nhau mỉm cười. Cả hai đã ngồi yên lặng không nói một điều gì quan trọng, cùng muốn phút giây quên hết quá khứ, tương lai và sự thật, càng kéo dài càng tốt.

Kỳ đứng dậy nhìn ra sân ga. Bỗng anh thấy cả người như tê lạnh một cách lạ thường. Vợ anh đang đứng nhìn lên từng toa như tìm kiếm. Trông thấy Kỳ, vợ anh reo lên:

– A, anh! Em cứ sợ anh nhớ chuyến này.

Nàng chen lên tàu, bước vào phòng, nói ríu rít:

– Em đang nghỉ mát, được tin anh vào, nên đón tàu để đi cùng với anh cho vui. Thế nào, anh có mệt không?

Bất giác, Kỳ thấy mệt thực. Bao nhiêu nhọc nhằn chán nản, phiền muộn trong nửa đời người đã trải qua, anh đã quên không muốn nhớ, giờ phút này chúng ùng ùng kéo nhau đến bao vây lấy anh, làm anh thấy mình chỉ trong một lúc như già hẳn đi. Tất cả hy vọng tiêu tan trong chớp mắt một cách đột ngột và tự nhiên vô cùng.

Thấy Thơ đứng dậy sắp sửa hành lý, anh cũng không thể nói được một lời

nào, để từ giả hay giữ lại. Anh chỉ nhìn theo với đôi mắt buồn rầu băng khuâng.

Vợ Kỳ xem xét hành lý và nói với anh những điều gì nhiều lắm, nhưng anh không nghe rõ, và dù nghe rõ cũng không hiểu gì hết. Mắt Kỳ như mờ đi, nhìn theo Thơ vội vàng ra khỏi ga. Anh biết tình yêu của Thơ và anh vẫn còn nguyên vẹn. Anh biết Thơ cố tránh. Thơ không muốn thấy mình cùng đi với Kỳ một chuyến xe trong đời, mà không thể nói với nhau một lời nào.

Kỳ ngồi bên cạnh vợ, nghe vợ nói chuyện và thấy nàng đã nói nhiều quá, trong khi Thơ chưa kịp nói với anh gì cả.

Bây giờ, làm sao anh còn nắm được tay Thơ. Làm sao anh biết được Thơ nghĩ gì. Thơ đi đâu? Thơ làm gì? Bao nhiêu năm qua, bao nhiêu lần roi đã quất vào

tâm hồn nàng? Bao nhiêu thất bại, đau khổ. Ai lau nước mắt cho Thơ?

Kỳ chưa kịp biết được gì hết, anh đã để cho bóng Thơ tan mất. Và đau đớn biết bao, anh không có dịp nói một lời giả từ. Giá biết được phải chia rẽ đột ngột và vĩnh viễn như vậy, anh sẽ cố nói với Thơ một vài lời, dù chỉ là những lời rất vô nghĩa, cũng còn có dịp nhìn được mắt nhau lâu thêm vài phút.

Tàu vẫn chạy rất bình yên, như không bao giờ biết được bao nhiêu ly hợp đã xảy ra trong một chuyến đi.

Người vợ ngồi bên cạnh đem lại cho anh thói quen thường ngày. Kỳ thấy lòng mình bình tĩnh lại. Anh lắng tai nghe vợ nói, trả lời vợ và ngoan ngoãn theo vợ về nhà. Ngoan như con ngựa nhà, ngựa thuần. Con ngựa rất siêng năng cần mẫn,

ngày ngày kéo xe cho chủ. Đôi mắt ngựa bị che hai bên lại, chỉ còn nhìn thấy một phía trước mắt, một con đường thẳng, một bốn phận. Ngày ngày làm xong công việc, tối về tàu, ngựa sẽ được phát cho một nắm rơm hay cỏ khô, cho ngựa ngủ yên, đợi ngày mai lại tiếp tục công việc, lưng mang nặng yên cương, mắt che kín. Đến bù lại, ngựa được chủ cho ăn no, được khen là ngoan ngoãn, và ngựa rán hết sức lực làm việc cho chủ vui lòng.

Nhưng may mắn làm sao, Kỳ thấy dù mình như con ngựa đã bị che kín hai mắt, chỉ được phép nhìn thấy một con đường thẳng trước mặt, chỉ được trở về với tàu ngựa cũ mà thôi, tim anh vẫn còn nguyên vẹn, vẫn còn có thể cảm, nghĩ và yêu thương.

BIÊN GIỚI

ùng xuống tàu từ Yokohama. Cùng rời bến với anh, có một ông Linh mục và các nữ sinh Nhật sang Pháp học vẽ. Các cô Nhật này tuy cũng thuộc hạng “giai nhân”, nhưng anh không có cảm tình mấy, nên không muốn làm thân.

Tàu đến Hong Kông, lại thêm một lớp hành khách hạng ba mới lên. Các cô thiếu nữ Trung Hoa kên kiệu một cách khó thương. Khách đàn ông, thì một số

sang Anh tìm việc làm và hể mở đầu câu chuyện là không thể thiếu được ba tiếng chửi thề, được gọi là ” tân tam tự kinh”, làm cho anh không hiểu tiếng Tàu cũng phải hiểu. Vì thế, Sheroo nổi bật hẳn lên.

Sheroo là một cô gái miền Tây Bắc Ấn Độ, nên da nàng không pha màu cà phê đậm như các cô Ấn Độ miền khác. Hôm đầu mới lên tàu, Sheroo mặc quốc phục: áo trắng tay ngắn và chiếc Shari màu gạch non có hoa vàng viền dưới gấu. Tóc nàng đen và mắt cũng đen một cách êm dịu lạ lùng.

Tùng chỉ nhớ lúc đầu mới gặp nàng, anh có một cảm giác rất bằng lòng. rất thoải mái dễ chịu. Tùng không hiểu mình bằng lòng cái gì, bằng lòng sự gặp gỡ, hay là cảm mến người con gái lạ kia.

Một hành khách nói đùa rằng nếu ai

đi trên tàu thủy một tháng mà không thể làm quen một người bạn mới nào, thì đời không còn làm ăn gì được nữa, chỉ còn cách vào nhà tu kín mà thôi. Tùng không đến nổi thế. Hầu hết mọi người đều có thiện cảm với anh. Tùng quen tất cả, nhưng Sheroo là người anh nói chuyện nhiều nhất. Một lý do nữa, là nàng nói thạo tiếng Anh hơn những cô gái khác.

Khi tàu đến Singapore, anh và Sheroo cùng đăng tên vào đoàn du lịch của hãng tàu tổ chức. Có hai đoàn: một đi xem thành phố Singapore, ăn quà, mua sắm vặt vặt trong thành phố, và một đoàn đi xa hơn, đến tận Johore, thủ đô của xứ Mã Lai. Tùng và Sheroo cùng ở đoàn thứ hai, làm cho Tùng thấy gần và mến Sheroo hơn, vì trong khi các cô gái khác chỉ thích xem phố và ăn quà, mua sắm, thì Sheroo chịu khó đi xa, chịu tốn tiền để

xem những cảnh khô khan nhưng tăng gia kiến thức...

Đoàn du lịch bắt đầu đi xem cung điện của vua Sudan Mã Lai trước, kế đến vườn bách thú và Đài Chiến Sĩ trận vong. Đài này, theo lời người hướng dẫn nói, là đài kỷ niệm hai mươi bốn nghìn binh sĩ của tất cả các thuộc địa Anh, đã chết trong các trận đánh với Nhật để bảo vệ Tân Gia Ba. Cuối cùng, xem Mohamed Ali Mosque, một trong những đền thờ của đạo Hồi Hồi.

Lúc sắp bước chân lên đền, Tùng lưỡng lự không biết có nên cởi giày ra như những người khác hay không. Lúc đi, anh không ngờ có cái vụ cởi giày, nên không thay tất mới. Tùng tưởng là phải đi bộ nhiều lắm, nên vẫn mang đôi tất cũ đã thủng mấy lỗ, bây giờ làm anh ngượng với Sheroo. Thấy mọi người đã vào cả,

Tùng đành tắc lưỡi một cái, rồi cởi giày theo đúng luật lệ của dân bản xứ. Sheroo còn đứng lại ở cửa lớn chờ anh. Tùng chỉ đôi mắt, mỉm cười bảo:

– Cô xem, khổ thế đấy. Thiếu người sửa túi . . .

Sheroo nói:

– Để về tàu, tôi . . .

– Cô vá hộ nhé?

Sheroo lắc đầu cười:

– Còn lâu! Tôi cho anh mượn kim chỉ. Phải tập làm cho quen!

– Quen để làm gì?

– Để sau này vá cho vợ chú! Còn ai làm việc ấy hộ cho anh nữa! Vợ mình chứ vợ ai mà ngại.

Thấy Sheroo tinh nghịch, Tùng cũng trêu lại:

– Thế mà tôi định để dành cho cô vá đấy! Nếu cô không biết, tôi xin dạy miễn phí, bảo đảm hai giờ thành công, giỏi hơn thầy nữa là khác!

Sheroo bĩu môi:

– Còn lâu!

Hai người cùng cười. Bây giờ, Tùng không còn ngượng ngùng gì về đôi tất rách nữa. Anh nói rất nghiêm trang:

– Tôi nhất định không vá đôi tất rách này, vì trong cái thời buổi rất “đắt đỏ” khan hiếm thứ đàn ông thông mình, đây là một cái quảng cáo rất tốt, tỏ ra rằng kẻ mang nó cần một người “hiền nội trợ”, và biết đâu chả có người thấy đôi tất rách

của tôi mà “mủi lòng”, rồi thương lây đến “kẻ sĩ” này chăng!

Sheroo có vẻ chế nhạo:

– Tôi chưa thấy ai “khiêm nhượng” hơn anh. Trong một câu, vừa tự xưng mình là người thông minh, vừa ra điều kiện cưới vợ phải là người “hiền nội trợ”. Nếu lỡ gặp phải cái thứ chần tinh đội lốt mỹ nhân thì sao?

– Tôi không tin cô thuộc loại ấy. Và ví dụ như phải chăng nữa, tôi cũng không sợ!

Sheroo lại bĩu môi:

– Còn lâu!

Tùng nhìn Sheroo với cái nhìn hăm dọa, như con hổ đã nhìn thấy mồi ngon, trước khi vồ lấy nhai ngấu nghiến, còn

vòn quanh để tăng thêm khao khát.

Sheroo cũng nhìn lại một cách kh-iêu khích, như con mồi được nằm yên trong một cái cũi sắt chắc chắn an toàn . dù thấy kẻ địch đến múa men trước mặt cũng không hề run sợ, vì đã biết trước nếu hắn ta vô mình, là giờ phút hắn ta bước vào “tử địa”.

Cô hướng dẫn mời mọi người đứng quanh gần cô và bắt đầu làm phận sự. Cô cất cao giọng, giảng giải bài học thuộc lòng cô phải giảng hàng trăm nghìn lần trước mặt du khách:

– Những tín đồ Hồi Hồi, mỗi ngày thứ năm phải đến làm lễ tại đền thờ này. Trước khi bước chân lên đền, phải rửa mặt và chân tay. Vì thế, trước mặt đền, phải xây hàng chục cái máy nước mới đủ dùng.

– Cái đài cao, chạm trổ và giác vàng này, là để cho nhà sư lên giảng kinh Koran mỗi tuần lễ.

– Mời quý vị xem. Tất cả đá Cẩm thạch lót dưới sàn, trên tường, và trên trần đền thờ, đều được chở từ Ý Đại Lợi đến. Tắm thắm quý dưới chân quý vị, là thắm Ba Tư.

– Đây là toàn bộ Kinh Koran chụp hình lại.

– Bản đồ những chiếc đồng hồ treo trên vách kia là để chỉ những giờ phải cầu nguyện. Mỗi ngày năm lần ở nhà, và mỗi tuần phải đến điện một lần.

– Đây là . . . Đây là . . .

Cô hướng dẫn vừa đi vừa kể. Mọi người theo sau lưng cô, mắt cứ nhìn lên, nhìn xuống, quay phải, quay trái theo

ngón tay cô chỉ. Sheroo lùi lại sau cùng, hỏi một ông sư đứng cạnh:

– Cô ấy bảo chỉ cầu nguyện 5 lần một ngày thôi, tại sao lại có những chín cái đồng hồ?

Nhà sư mỉm cười, vui vẻ trả lời:

– Năm lần theo lệ thường, còn bốn lần kia là phụ trội trong những ngày lễ đặc biệt.

Thấy ông sư có vẻ muốn giảng cả bộ kinh Koran, Sheroon cảm ơn rồi vội vàng chạy theo các bạn, lên xe về bến.

Hành khách ở Singapore lên tàu, phần đông là người Ấn Độ. Bọn họ xoa lên người một thứ dầu rất nặng mùi. Dần dần, sân tàu gần như bị chia làm đôi. Nhóm Người Ấn Độ đi đâu là những người khác tránh dạt cả ra. Và mãi đến

lúc ấy, Tùng mới nhớ tóc Sheroo cũng có mùi dầu tương tự. Anh không dám thử mạnh để nhận xét xem nó giống mùi gì mà chỉ thoáng qua một chút trong không khí, cũng đủ làm cho người ta thấy nôn nao khó thở. Có người nói cho Tùng biết rằng dầu ấy làm cho da và tóc họ được bóng lóang và thêm đen, thêm đẹp. Tùng nghĩ thầm, may mà Sheroo chỉ xoa một ít lên tóc, nếu nhiều quá chắc anh hết dám đứng gần.

Thấy Tùng không rời Sheroo, các bạn anh chế nhạo:

– Có người phải coi chừng, trái tim sắp rụng đến nơi! Không hiểu nghe Sheroo nói chuyện bằng cái tiếng Anh giọng Ấn Độ ấy thì có thú vị gì. Nghe mười hiểu một.

Tùng trả lời:

– Phải, các “người” là giống “thông minh vật”, nghe một hiểu mười, còn “ta” thích nghe mười hiểu một, như thế mới đủ “huyền bí ly kỳ”.

Tàu càng đi các bến xa, hành khách lên càng đông và màu da càng đen thêm. Qua khỏi Bombay, sóng bắt đầu to và gió dữ dội. Phần đông hành khách đều bỏ cơm, nằm yên trong phòng. Phòng ăn cũng như sân tàu vắng vẻ yên tĩnh hẳn lại. Thấy Sheroo vẫn lên sân, Tùng trêu ngay:

– Nếu tất cả hành khách đều như cô, thì hãng tàu phải đóng cửa sớm.

– Tôi có làm gì thiệt hại cho hãng đâu?

– Từ hôm cô lên tàu, tôi chưa thấy cô vắng mặt trong phòng ăn một bữa nào.

– Đầu óc bóc lột giỏi như anh mà không đi buôn, thật là mai một cả thiên tài.

– Thôi, xin đủ ạ. Nói thực chứ Sher-oo không mệt sao?

– Mệt lắm chứ, nhưng phải gắng chịu để làm gương cho kẻ khác bắt chước. Thế nào, hôm nay có phải thân tặng cho anh hai viên thuốc say sóng “Sealeg” nữa không?

Tùng nói lảng:

– Thôi, chúng ta nói chuyện khác đi, đừng để lạc đề nữa!

Sheroo mĩa mai:

– Thế anh cứ nói chuyện nghiên cứu hóa học của anh đi. Ai bắt anh phải đổi chuyện, mà kêu lạc đề ầm cả lên.

– Không, tôi muốn nói chuyện gì khác hơn nghề của tôi. Chẳng hạn như, tôi rất sung sướng vì Sheroo không ăn “bằng tay” như những người Ấn Độ khác.

– Ở nhà, tôi cũng ăn như mọi người, nhưng khi có khách lạ, hay là trước mặt anh chẳng hạn, tôi mới dùng đến các thứ “khí giới” dao thìa ấy.

– Thế tại sao nhiều người Ấn Độ không ăn thịt bò?

– Những người theo đạo Phật như chúng tôi, tin rằng tất cả mọi sinh vật đều biết đau đớn cũng như người, nên chúng tôi chỉ ăn rau và hoa quả. Chúng tôi uống sữa của bò, nên yêu bò như mẹ, con có bao giờ ăn thịt mẹ không?

– Thế cô không sợ một ngày kia bò

sinh sản nhiều quá, sẽ cai trị loài người?

Sheroo cười:

– Thì đã làm sao chưa? Cùng lắm là “hầu hại” bò, dẫn bò đi tắm, quét dọn chuồng bò, trồng cỏ cho bò ăn chứ gì! Đối với bò thì chúng ta đã thành nô lệ từ lâu rồi nhưng không nhận đấy thôi.

Một sĩ quan trên tàu đi ngang qua chỗ hai người đứng dừng lại nói:

– Tối hôm nay, tám giờ có chớp bóng. Phim hay lắm, cô nhớ lên xem.

Người sĩ quan đi rồi, Tùng nhìn theo mỉm cười. Sheroo nói:

– Trông nụ cười của anh có vẻ “bất lương” lắm.

Tùng vẫn cười:

– Tôi kể chuyện cô tích cô nghe nhé:
Có một tiểu thư nọ đi tàu biển, người ta
xem thấy nhật ký của cô ta viết như thế
này:

Ngày thứ nhất: Thuyền trưởng
là một thanh niên rất đẹp trai.
Ngày thứ hai: Anh ta nói, nếu tôi không
đáp lại tình yêu, thì anh ta sẽ đánh đắm
tàu, tất cả hành khách sẽ chết đuối, không
còn một ai sống sót.

Ngày thứ ba: Tôi đã cứu tất cả hành
khách và thủy thủ hơn ba nghìn người.

Sheroo cười ngất:

– Đối với tôi thì .. . còn lâu! Tôi là
người không biết “hy sinh”, dù là hy sinh
cho chính tôi cũng vậy!

– Thế cô sống để làm gì?

– Sống để làm gì à? Sống để . . . trêu tức thiên hạ! Ngán chưa?

Tùng chỉ ngoài biển xa hỏi:

– Cô có thấy gì không?

– Quái vật của Đại Dương, lạ lùng gì?

– Cố nhiên là cô phải quen lắm. Cùng họ Quái mà, Cô có tin là nếu tôi có người vợ như cô, thì đàn Quái Ngư kia chắc chắn sẽ được một bữa điểm tâm rất ngon lành.

Sheroo bấu môi:

– Còn lâu!

Sau buổi nói chuyện với Sheroo, Tùng thấy hoàn toàn thất vọng. Đúng là giữa anh và cô gái Ấn Độ này có một biên giới vô hình ngăn cách. Tùng khô-

ng thể yêu bà như mẹ, không chịu được mùi “dầu thơm” hôi nồng nực, không thể ăn bốc, ăn cay như các đồng hương của nàng được. Anh là một người tận tụy với khoa học, suốt ngày vùi đầu trong phòng thí nghiệm để tìm những phương thuốc mới, tân tiến nhất. Anh đi sang Đức mục đích để nghiên cứu thêm những dược chất lạ, còn Sheroo chỉ “đi chơi”. Sheroo “đi chơi” trong giấc mơ cũng như trong cuộc đời, trên đường đời, nàng không thấy một việc gì đáng gọi là quan trọng cả. Anh xây dựng, trong khi Sheroo phá hoại. Anh làm cho đời bớt đau thương, còn Sheroo “sống để trêu tức thiên hạ”. Hai người như đi trên hai con đường song song, trông thấy nhưng không bao giờ gặp được nhau.

Như một người quân tử, xử sự một cách rất “quân tử”, Tùng tự lý luận: thôi

để cho Sheroo yên. Vả lại, chính mình cũng không thực yêu Sheroo cơ mà! Vì nếu yêu thì mình đã làm hết cách, dù là “vương đạo” hay “bá đạo” cũng được, để có nàng. Dù cho Sheroo có trốn chạy đến tận chân trời góc biển nào, dù “còn lâu” cho đến ngày tận thế, dù Sheroo có tài trêu tức đến đâu mình cũng không tức, không bị nàng gạt đi một cách nhẹ nhàng như thế. “Mình không yêu, mình không yêu”.

Lòng tự ái được thỏa mãn, Tùng yên lòng và vui vẻ như một người “không yêu” thực sự.

Những ngày cuối cùng trước khi cập bến Marseilles, trời rất đẹp. Tất cả hành khách đều lên sân chơi, nhưng nét mặt mọi người đã bắt đầu hiện ra những xúc cảm khác nhau. Thôi thế là hết những ngày ăn rồi ngồi ngắm biển và tán dóc.

Người đi học, kẻ đi làm, Từ đây họ sẽ đi tung ra các nơi khác. Mai đây phải lo bài vở, thi cử, lo tranh đấu, lo phát triển, lo làm lợi cho mình, làm không hại kẻ khác, bao nhiêu là “kiểu mẫu lo” đều tập trung cả vào một chuyến tàu.

Tàu đến bến Marseilles ,bến cuối cùng, Từng từ giả Sheroo một cách vui vẻ, bình thản.

Anh trở về với công việc quen thuộc: phòng thí nghiệm, với những chai lọ ngón ngang và lại vui đầu vào sách vở. Từng tưởng làm như thế anh có thể quên những kỷ niệm vui nhẹ êm đềm và nhất là tưởng mình quên được Sheroo. Từng kiêu hãnh như người vừa chiến thắng một trận rất vinh quang, dù không có kẻ địch. Anh bằng lòng mình, như một phú ông vừa nhin tiêu tiền một trăm đồng để bỏ thêm vào ngân hàng cho đủ số hai

mười triệu! Bằng lòng một việc làm khá vô ích.

Sự thực, hình ảnh Sheroo vẫn theo Tùng đến phòng thí nghiệm. Anh càng cố quên, Sheroo hình như càng cố trêu tức anh thêm. Đôi mắt tinh nghịch của nàng hiện ra giữa các con số, chữ tắt, làm anh thỉnh thoảng lại đăng trí và để mình chìm đắm trong nhớ nhung. Tùng nhớ đến từng cử chỉ, lời nói, từng cái chớp mắt, từng mẫu chuyện của anh với Sheroo. Một hôm anh hỏi nàng:

– Nếu có người nói yêu cô, cô sẽ trả lời thế nào?

– Láo hết, không tin.

– Nhớ thật?

– Thật thì cho họ chết.

– Chết như thế nào?

– Chết trẻ, chết già, chết tự nhiên, chết miễn cưỡng, thiếu gì cách chết.

– Thế còn cô?

– Cũng chết chứ sợ gì ai! Chết tầm thường, chết đặc biệt, chết vui, chết buồn, chết khô, chết héo, chết sung sướng trong tay người yêu, hay là chết vì ghét nhau, chưa biết, còn phải đợi xem “hồi sau phân giải”.

– Nhưng tôi không ghét Sherro đâu!

Sherro trề môi, hất hàm cười bảo:

– Còn lâu!

Lúc ấy, anh cho là Sherro rất dễ ghét và điên. Nhưng bây giờ, thấy hình như trong cái điên của nàng cũng có ít nhiều chân lý thực: chẳng nào cũng chết, mà ai

cũng chết! Nếu đã như thế, tại sao anh không chọn cách chết vui vẻ, chết dễ thương, chết trong tay người yêu một cách sung sướng?

Tùng ngạc nhiên, không hiểu tại sao mình đã có thể gần được đến thế. Một mùi dầu lạ thoáng trong mái tóc Sheroo thì có nghĩa lý gì, mà cũng đủ làm thành một biên giới chia rẽ hai tâm hồn. Với Tùng, bây giờ giá Sheroo xoa dầu cả người cũng không sao. Một bể tắm đầy xà phòng có thể rửa sạch tất cả mùi dầu lạ kia, cũng như một tình yêu chân thành, tuyệt đối, có thể thay đổi hẳn tính coi rẻ đời của nàng.

Khi Tùng tìm ra chân lý, thấy mình đã nghiệm Sheroo, nghiệm cả những mẫu chuyện trái tai của nàng, khi Tùng thấy thời gian và không gian, cũng như tất cả những sự trái ngược của anh với Sheroo

đều không thể làm thành biên giới, thì Sheroo đã ở tận một chân trời nào! Sheroo vẫn còn đang “đi chơi” với hai chữ “còn lâu” luôn luôn ở trên môi nàng. Còn Tùng vẫn ở nguyên một chỗ trong phòng thí nghiệm của anh, và thảnh thơi, các thứ thuốc anh chế lẫn lộn lại làm anh say sưa tưởng như mùi thuốc mê vương vương trong mái tóc người mình thầm yêu.

QUÀ TẾT

Minh hỏi Quế:

– Chị đang nghĩ gì đấy?

Đôi mắt Quế vẫn nhìn lên trên trần nhà mơ mộng, không trả lời em.

– Chị nghĩ gì, phải nói ra chứ!

Quế gất:

– Ờ hay, ý nghĩ là tư sản của người ta, sao lại bắt buộc phải nói ra?

– Nhà này không có phép như thế! Cấm mơ mộng, cấm buồn, cấm khóc. Muốn gì phải xin phép em. Tư tưởng không nói ra, không công khai, là tư tưởng ... lậu thuế! Chị định giữ lấy một mình để làm chợ đen phải không?

Hai chị em cùng bật cười.

– Thôi để ta nói cho mà nghe. Đồ độc tài. Thật rõ là càng trẻ con càng ưa bắt nạt người lớn! Ta đang nghĩ đến những cái Tết tha hương đã trải qua trong đời.

– Tưởng gì lạ, chứ Tết tha hương thì em cũng có. Những mười cái cơ đấy. Chị được bao nhiêu?

– Có lẽ mười ba.

– Con số rủi. Tết năm nay, chắc chúng mình sẽno!

– Em đoán lối gì kỳ quái vậy?

– Em đoán theo kiểu ” phép giải mộng” ” sanh dữ tử lành” mà!

Hai chị em cùng yên lặng một lúc, Minh nói:

– Lạ quá chị ạ, sao những cái Tết no vui thì mình quên cả, còn Tết nào đói hay là khổ là mình nhớ đời. Em nhớ nhất hồi chúng em “được” ăn mút gừng suốt cả ba ngày Tết. Năm ấy, chúng em nghèo quá chừng: tiền học chưa có, tiền nhà chưa trả, tiền ăn không biết còn đang lưu lạc nơi đâu... Đợi mãi vẫn không thấy thư nhà. Mãi đến chiều ba mươi Tết mới nhận được quà của cô bạn thân nhất gởi cho: một gói mút gừng thật lớn chị ạ. Mút gừng là một món ăn rất sang trọng và xa xỉ ở ngoại quốc, nhưng mình không có gì ăn cả ngoài nó ra nên phải ăn suốt

ba ngày. Trời, nóng ruột gần muốn điên luôn!

– Còn chị, chị nhớ hồi ở Nam Kinh cũng bị hoàn cảnh như thế. Các sinh viên Việt Nam không ai còn đồng nào cả. Tình cảnh có vẻ nhiều hy vọng được ăn Tết với nước lã lăm. Đêm ba mươi, bỗng có anh Thanh đến chơi. Anh ấy làm trong quân đội Tàu, đánh giặc mướn hộ ông Tướng mấy chục năm vẫn không chết. Anh trịnh trọng đưa cho chị một gói nhỏ và bảo đấy là quà Tết cho tất cả. Trước khi mở, anh bắt đoán. Mọi người cầm gói, nào lắc, nào nghe, nào sờ, nào nắn, làm đủ, nhưng cũng chỉ đoán được đấy là một thứ đồ hộp, mà không biết món gì. Mãi sau, mở ra mới biết, đấy là một hộp sữa đặc. Anh Thanh cho biết anh không còn đồng nào, chỉ định đến thăm anh em, chuyện trò suốt đêm giao

thừa thôi, không ngờ lúc đi đường, thấy cái hộp sắt có vẻ còn mới bên bờ cỏ, anh đá nó một cái và định nhặt để đem cho bọn này làm gáo múc nước. Anh thấy nặng. Thì ra, một hộp sữa còn nguyên. Thế là cả bọn được uống sữa như trẻ con suốt ba ngày Tết. Kể ra, không ấm lòng bằng mút gừng, cũng không no giống như mút gừng, nhưng ngọt ngào thì đủ lắm.

Minh đứng dậy đến bàn chải đầu, bảo:

– Đến giờ rồi, em sửa soạn đi hát. Hôm nay, em muốn chị đi với em. Em mới ốm dậy, hát buổi đầu, run lắm. Chị đi để em vui và thêm tin tưởng.

Trang điểm xong, Quế xách đàn, Minh cắp tay nàng, hai chị em đi co ro trong trời đêm giá rét. Đêm đã khuya,

các tiệm bán hàng đều đóng cửa, chỉ còn vài tiệm cà phê đèn còn sáng. Minh nhìn vào cửa kính một tiệm bán hàng phụ nữ, hỏi chị:

– Tết năm nay, em muốn tặng chị một món quà để kỷ niệm chúng mình gặp lại sau mười bốn năm xa cách. Chị thích gì?

Quế gạt đi:

– Thôi đừng bày đặt ra nữa! Em tặng chị, rồi chị biết mua gì tặng em? Tiền chị để bên nhà, chưa có cách gì gửi sang; có lẽ thứ hai đi học vẫn còn phải cuốc bộ! Túi sạch sẽ lắm, không quà cáp gì cho ai hết!

Minh phụng phịu:

– Không, em khác. Em còn hơn một trăm quan. Tối nay em hát, mai có tiền

đi chợ, mua được cả củi đốt sưởi nữa là khác! Giàu đến thế còn gì nữa! Chị không nhận là khinh em, ghét em, em giận chị đấy!

– Ủ, nếu thế em cho chị một cuốn vở hay một tập giấy trắng cũng được.

Hai chị em cùng xiết chặt tay nhau.

Đến nơi, Minh và Quế vào cổng sau, lối đi riêng của nghệ sĩ để lên sân khấu. Quế giúp em thay áo và nàng thầm cầu nguyện cho Minh tối nay hát hay. Minh ốm đã hơn mười lăm ngày. Hôm nay nàng khỏi, và đi hát lại, nhưng vẫn còn yếu lắm. Quế sợ nhất là cái giọng. Nếu Minh bị mệt, tắt giọng nửa chừng thì tai hại vô cùng.

Trên sân khấu, người ta để hai gối bông, trên phủ gấm đen, sau lưng là

tấm màn nhung màu rượu chát. Minh mặc áo kim tuyến trắng. Minh sẽ đứng ghếch một chân lên nệm gấm, ôm đàn lục huyền cầm và hát luôn ba bài.

Ngày thường, nếu Minh khoẻ mạnh, nàng có thể hát đến mười bài không mệt, nhưng hôm nay Minh còn yếu, nên Quế thấy lo lắng vô cùng. Quế đứng trong sân khấu sau tấm màn, đợi nghe Minh hát. Bỗng thấy người giữ phong đến bảo:

– May quá, có cô ở đây. Ông giám đốc bảo hôm nay phải che thêm nhung cả hai bên cô Minh, để khỏi thấy lối vào trong sân khấu. Tôi tìm mãi, nhưng người phụ của tôi đi đâu mất, cô giúp tôi một tay nhé, để che liền hai tấm màn lại cho kín.

Quế gạt đầu và đến cạnh kéo sát hai tấm màn lại. Quế đứng ngay cạnh em,

nhưng không trông thấy mặt, chỉ thấy bóng Minh in trên tấm màn nhung, mái tóc Minh xoả dài xuống lưng. Quế thấy mình tự nhiên cũng nín thở mỗi khi Minh nín thở để hát một câu dài. Trong lúc Minh nhìn nghiêng; Quế trông thấy được bóng môi em mấp máy rung. Không trông được mặt Minh, nàng cũng biết Minh đang nhìn vào khoảng không, tưởng tượng đang hát với một người nào đó, hát riêng cho một người nào đó nghe, để diễn xuất tất cả tình cảm của bài hát giữa đám người xa lạ.

Minh hát xong bài thứ nhất, đến bài thứ hai là một bài Pháp. Tâm trí Quế đi theo từng chữ trên môi em. Trong khi Minh hát ngoài sân khấu, Quế cũng hát trong lòng.

“Anh làm một cái hình nhân để tưởng nhớ tới em.

Miệng em là một trái mơ

Vỏ ốc làm tai, củ cải làm mũi

Tim em, anh để một viên đá

Hai năm cỏ kết thành mái tóc

*Đóa hoa xanh là đôi mắt em đang
rưng rưng lệ*

Những giọt lệ mắt anh đã chảy ra

Dù anh không muốn...”

Minh hát xong, Quế mừng thầm, nhưng lại lo hơn, vì không biết em còn đủ sức hát nốt bài thứ ba không.

Bên ngoài, Minh đã bắt đầu giới thiệu:

– Đây là bài dân ca Mông Cổ. Bài hát người nông dân ca ngợi vẻ đẹp hùng tráng mỹ lệ của quê hương. Chàng ngồi

bên bờ suối, nàng khoác tay chàng ca hát, và một con chim đậu trên cành lú lo hoà theo...

Minh lấy giọng vui để diễn tả tình cảm của bài hát rộn rã từng bừng. Quế thấy bóng Minh trên màn rung rung, từ cánh tay vỗ đàn, mái tóc cho đến bàn chân ghếch lên chiếc gối phủ gấm, tất cả đều rung động, làm Quế cũng thấy rung theo.

Mỗi một phút bây giờ sao dài quá! Bài hát Mông Cổ hôm nay cũng thấy dễ ghét lạ! Nó lên cao xuống thấp một cách bất tử và tốn hơi vô cùng. Quế thấy trán mình lấm tấm mồ hôi. Những hạt mồ hôi cứ to dần và chảy dài xuống mặt.

Nhưng rồi cũng xong. Minh đã giữ được giọng cho đến câu cuối cùng. Nàng cúi chào khác giả trong tiếng vỗ tay hoan

hồ. Hai dòng nước mắt Quế đã cố gắng hết sức nén giữ mãi, bây giờ cũng chảy dài xuống má, hoà lẫn với những giọt mồ hôi. Quế khóc sung sướng vì thấy Minh đã đứng vững được suốt ba bài hát.

Trên đường về, gió cuốn cuộn thổi ngược, hai chị em dắt díu nhau, những bước chân chập choạng như bước chân đứa bé mới học đi.

Con đường chợ bây giờ đã được quét dọn sạch tất cả rác bẩn, chỉ còn lại những cái thùng gỗ đựng hoa quả, người ta vút bên vệ đường, đợi xe chở rác đến nhặt. Mắt Quế sáng lên.

Thấy một người say rượu, bước chân ngã nghiêng, từ đằng xa đi đến, Quế dặn em:

– Kìa, thằng say. Em nhìn thẳng, chứ đừng nhìn vào mặt nó. Nhưng cũng phải để ý xem chừng, nhớ nó đến gần còn liệu.

– Liệu thế nào? Vác đàn đánh vào đầu nó, hay chạy? Hay kêu ầm lên?

– Tất cả!

Anh chàng say vừa đi vừa hát. Hắn nhìn hai chị em một cách lơ đãng, rồi lững đi nơi khác.

– Đố chị, tại sao hắn sợ chúng mình?

– Tại hắn trông hai hoá làm bốn, nên ” biết mình biết người”, chuẩn trước thế là phải.

Đến nhà, Quế đưa em vào phòng xong, về phòng mình thay giày thấp và lạng lẽ xuống chợ.

Bên vệ đường, mấy cái thùng gỗ vẫn còn nằm yên. Quế nhắc một chiếc, hai chiếc, ba rồi bốn. Bốn chiếc thùng không, tuy không nặng nhưng rất cồng kềnh, khó mang. Quế đi rất chậm, nhưng chỉ một lúc đã thấy mệt. Vừa trông thấy cửa, Quế vội vàng vào ngay, không hề nghĩ ngợi gì cả. Muốn cẩn thận, Quế không bật đèn cầu thang, để lúc vào, đi ngang qua phòng, người gác khỏi trông thấy. Cầu thang hẹp, bốn cái thùng lại vác nghênh ngang nên rất khó đi, Quế phải lách mình đi từng bước một, mãi mới đến được tầng thứ ba. Quế ngừng lại thở một lúc và hơi ngạc nhiên vì trong bóng sáng mờ mờ của cửa kính chiếu đèn ngoài đường vào, cầu thang có vẻ là lạ. Quế kinh hoảng tìm chỗ bật đèn, cũng không tìm thấy cái khuy bấm vẫn ở chỗ mọi ngày thường bấm.

Lúc bật được đèn, Quế mới biết đã vào nhầm cầu thang nhà khác. Cũng may, chỉ mới đến gác ba!

Bốn cái thùng gỗ lại nghênh ngang được tha xuống. Bây giờ, Quế bỗng thấy khổ sở vô cùng. Mấy cái thùng không đựng gì, nhưng sao mà nặng thế! Cả cái thân mình cũng gần lê không nổi, hơi thở thì ngắn ngủi, nghẹn ngào, tức tưởi.

Bao nhiêu tính gan lì bướng bỉnh của Quế đều được gọi đến làm viện binh. Quế nhất định không chịu bỏ dở công việc. Quế nhất định chống cự lại với tất cả sự sụp đổ của tâm hồn và thể xác. Quế nhất định vác bốn cái thùng gỗ về đến nhà cho kỳ được.

Lần này, trông thấy lối vào, Quế cũng còn cẩn thận nhìn số nhà, thấy đúng rồi mới vào. Bây giờ, Quế không

thấy ngượng ngùng gì nữa. Nàng bật đèn ngay từ lúc mới bước vào cửa, mặc cho ai trông thấy thì thấy, muốn cười cứ việc tha hồ cười. Nàng nhặt gỗ về đốt lò sưởi, chứ có gì là lạ!

Quế nhón chân cố bước lên cầu thang rất nhẹ, sợ làm thức giấc mọi người ở các phòng khác, nhưng bốn cái thùng như muốn phá đám, vẫn cứ vương vীu, hết đụng cửa bên phải lại va vách tường bên trái. Lách bề ngang không được, xoay bề dọc cũng không xong, Quế mệt mỏi, chán nản quá chừng. Nàng cố gắng hết sức mới lên được đến gác cầu thang tầng thứ sáu. Một cơn suyễn bỗng từ đâu kéo đến ùng ùng chớp nhoáng, làm Quế ngạt thở và tim như muốn đứng dừng lại. Quế cố sức kêu to:

– Minh ơi, ra đón... quà Tết... nặng quá...

Quế cố lê mấy bước cuối cùng đến trước cửa phòng em và chân nàng mềm đi. Quế không còn biết gì nữa.

Lúc Minh nghe tiếng động, mở cửa chạy ra, nàng thấy chị nằm ngất đi giữa đám thùng đồ ngổn ngang.

Món quà Tết của Quế cho em, đúng là nặng thật.

Minh không làm sao “vác” nổi chị vào phòng.

NGƯỜI QUÂN TỬ

Dung bần khoản suy nghĩ, lộn trên giường đã hơn một tiếng đồng hồ. Đáng lẽ nàng phải đi chợ mua đồ ăn nấu cơm chiều, nhưng hôm nay có cơ để cho nàng giận dữ, nên định酣 liệu một bữa xem sao.

Dung còn nhớ rõ, dù đã nhiều năm về trước, mà hình ảnh, cảm xúc vẫn còn sống động như vừa mới xảy ra. Hôm ấy nàng đang chạy dưới làn mưa đạn thì

gặp hần. Hần mời nàng đến nhà tạm trú trong khu vực an toàn. Vợ hần về quê mẹ bên Pháp chưa trở lại, nên hần rất tự do. Luôn mấy ngày, hai người bị kẹt trong cái tổ ấm đó. Thế là hần thành ra “chính phủ bảo hộ” của Dung. Kể ra, lúc đầu suốt mấy tháng trời hần cũng mất một ít công phu. Nào là hái hoa tặng nàng, nào là thức dậy từ ba giờ sáng pha cà phê cho nàng uống để sửa soạn đi bay. Nhưng hần thuộc về loại đàn ông tán gái chỉ mất ba bó hoa, về sau lấy lại cả vốn lẫn lời.

Khi hãng máy bay Dung làm đóng cửa, hần hết sức dỗi dành Dung dừng làm nơi khác. Hần nói nghề nữ chiêu đãi viên Hàng không là một nghề rất nguy hiểm, phải thức khuya dậy sớm, nay đây mai đó, sống giang hồ lãnh tử như thế không phải là cuộc sống thích hợp cho

một bà mẹ hiền. Hấn hứa sẽ trả lương cho Dung gấp đôi, nếu Dung làm thơ ký cho hấn. Hấn nói:

– Tôi đã có vợ rồi, nên không thể chính thức cưới em được. Tôi chỉ là một ân nhân, một Người Quân tử, giúp em qua khỏi lúc khó khăn hoạn nạn. Em cần có một người đàn ông làm hậu thuẫn, để em dựa vào làm ăn, để tinh thần em có chỗ ký thác. Con em cần phải có cha. Cha chúng nó đã lên chiến khu mất tăm mất tích em còn trông mong gì nữa! Người ta ai cũng cần phải có gia đình như con chim cần có tổ ấm. Em không thể sống mãi cuộc sống cô độc, trống trải tâm hồn, lại còn phải một mình vừa làm cha vừa làm mẹ, phấn đấu lo miếng cơm manh áo cho con như thế mãi được.

Hắn tán ngọt hơn mía lùi. Dung nghe như ăn phải bùa mê. Nàng tin tưởng trân trọng ký thác cả thể xác lẫn tâm hồn theo lời yêu cầu đầy hứa hẹn. Mỗi năm nàng đẻ cho hắn một đứa con. Những đứa bé này đều theo họ mẹ, và gọi hắn bằng bác.

Với mọi người, hắn chỉ nhận Dung là thư ký. Mà cũng đúng như thế thật. Dung phải viết thư đòi nợ cho hắn. Rồi còn phải giao thiệp với Luật sư, vì hắn rất thích kiện tụng, phải đi thu tiền nhà cho thuê là một việc rất khổ tâm, phải lo thu xếp tất cả giấy tờ công việc buôn bán của hắn. Nay chạy đến sở này, mai châu chực bộ nợ, vì hắn làm việc đấu thầu xây cất nhà cửa nên có rất nhiều thủ tục pháp lý phải làm. Hắn cho phép Dung toàn quyền làm phận sự của cô thư ký. Còn những việc “phi phận sự” thư ký như lau nhà, đi chợ, làm bếp, đẻ con, hắn cũng

nhờ Dung “toàn quyền” luôn cho tiện việc sổ sách. Hấn rất hà tiện, nhất định không muốn người làm. Hấn lấy cớ là không tin ai hết, để bắt Dung tự làm lấy tất cả. Cái thời chiến tranh nửa nóng nửa lạnh, người hai vùng “bên ni bên tê” qua lại như đi chợ. Ai cũng có thể là Giao liên hay Mật vụ, không chơi với họ là an toàn nhất, khỏi lo bị đâm dao sau lưng bất thành lình. Hấn đưa cho Dung mỗi tháng ba nghìn, gọi là tiền lương thư ký. Và trong số ba nghìn đó, thời giá tương đương với 1 lượng vàng, cô thư ký phải nấu cơm cho ông chủ ăn nữa. Số tiền ấy chỉ bằng một phần năm lương Dung đi làm trước kia. Nhưng biết làm sao được, khi từ một thư ký thường, người ta biến thành một cô thư ký “vạn năng” . Và người “quân tử” lại là hạng quân tử khôn, chứ không phải quân tử dại. “Quân tử nhất ngôn là quân tử dại, Quân tử nói đi

nói lại là Quân tử khôn”. Hãn thuộc về loại quân tử khôn. Còn Dung xưa nay vẫn nổi tiếng khôn, nhưng lại là khôn nhà đại chợ.

Hãn sợ Dung tiếp xúc với bạn bè bà con, nhờ người ta xui khôn xui dại, nên cấm nàng không được giao thiệp thăm viếng gặp gỡ ai cả. Hãn không cho Dung diện đẹp đi chơi phố, sở thích duy nhất của Dung, vì hãn biết Dung còn xinh ỏi là xinh, nhờ gặp người ” cao tay ấn” hơn hãn, thì hãn mất một món bở. Còn biết tìm đâu trên đời này một người đàn bà vừa tháo vác giỏi giang xinh đẹp lại vừa khờ dại một cách lý tưởng như Dung? Trong thế giới làm vợ ”chợ đen” ai cũng đòi được hưởng thụ vật chất tràn trề đầy đủ, để đền bù sự thiệt hại về tinh thần. Chỉ có một mình Dung đã làm cách mạng, trái với định luật ấy. Mãi đến khi

Dung để cho hấn đưa con trai thứ hai, hấn mới mua cho nàng một cái nhẫn hột cẩm thạch giả thật to. Đó là món quà nữ trang đầu tiên, từ khi nàng về làm “thư ký vạn năng” cho hấn. Không đeo thì sợ hấn giận, đeo thì cũng khổ tâm lắm! Cuối cùng, Dung nghĩ được cách đeo nhưng quay mặt nhẫn vào trong. Nàng sợ người ta biết nhẫn giả, nên quay mặt nhẫn cố ý để mập mờ, cho mọi người tưởng mình có đồ thật nhưng khiêm nhường, không muốn khoe khoang cho ai biết.

Dung được hấn nhồi sọ rất kỹ, hấn bắt nàng tâm niệm hấn là ân nhân của nàng, hấn là người quân tử đã cứu mang, cứu vớt nàng trong cảnh lửa đạn, hấn là người độc nhất mà Dung phải trung thành phục vụ suốt đời. Còn Dung đã bị tẩy não quá kỹ nên cũng tưởng thật.

Dung vẫn giữ vững lòng tin tuyệt đối ấy cho đến hôm nay hẳn tình cờ chạm trán với Loan, một bạn gái cùng lớn lên với Dung từ thuở bé. “Bác” của mấy đứa nhỏ nói với Loan thao thao bất tuyệt như lên diễn đàn:

– Tôi là Người Quân tử. Tôi là ân nhân của Dung. Nếu không có tôi, Dung đã chết giữa cảnh tên bay đạn lạc. Tôi dạy cho Dung cách thức làm ăn. Tôi không muốn Dung có tánh ỷ lại, sống nhờ vào đàn ông, như những người đàn bà khác, lỡ khi chồng chết thì phải làm sao? Vì thế nên tôi không nuôi Dung, tôi tập cho Dung phải làm lấy mà sống, và sống “độc lập”!

Hắn nói xong, chùng cũng biết mình ngụy biện, sợ chỉ có riêng mình Dung đã mê man như ăn phải bùa mới nghe lọt tai, chứ còn ngoài ra chẳng ai tin những

lời quỷ quái của hắn, nên vừa dứt câu, hắn sợ Loan trả lời, vội chân sau đá chân trước, chạy ra cửa như bị ma đuổi:

– Tôi xin lỗi, tôi phải đi đây có chút việc gấp.

Hắn đi rồi, Loan cúi lên với Dung:

– Hừ, quân tử! Hừ, ân nhân! Đã quân tử, đã ân nhân, sao lại làm cho người ta có con? Đồ không chịu trách nhiệm, thừa nước đục thả câu, còn dám mở miệng xưng là ân nhân, là quân tử!

Dung làm Luật sư biện hộ cho hắn:

– Nếu hôm ấy không có hắn giúp đỡ, thì tôi thực chết vì đạn lạc đấy Loan ạ.

Loan cười gằn:

– Nếu là em, thì thà chết phúc đi còn hơn! Hắn chỉ nghĩ đến phần hắn,

mà không nghĩ đến phần người ta. Hẳn giúp chị, thì cũng không có gì lạ. Trong hoàn cảnh ấy, ai chả giúp nhau! Nhưng có phải giúp một tí rồi bắt người ta làm tôi mọi suốt đời để trả ơn không? Người quân tử mà như thế sao?

Dung ngăn người ra:

– Bây giờ tôi mới biết, lạ quá! Thì ra, hẳn đòi tôi trả ơn như thế đấy! Loan nói giọng dằn vặt:

– Người đàn bà nào cũng cần phải có một người đàn ông riêng của mình, yêu mình và hoàn toàn thuộc về mình. Cần phải có một mái ấm gia đình thực sự. Hẳn quân tử gì? Ân nhân gì? Hẳn hại chị thì có. Hẳn lấy chị, để con ra, mà hẳn khỏi nuôi. Chị không phải là vợ hẳn, mà kẹt với hẳn như thế này thì còn ai dám gặp chị để tìm hiểu xây dựng nữa, còn

mong gì có một tương lai rạng rỡ cho các con. Chị chỉ là nô lệ của hần, chỉ làm bốn phận mà không có quyền lợi gì hết! Con đẻ ra mang họ mẹ! Đấy chị xem, hần nhẫn tâm biết bao nhiêu! Chị sẽ phải nai lưng ra suốt đời làm tôi mọi nuôi con cho hần, làm giàu cho hần, trong khi hần có tiền, đều lo chuyển về cho vợ lớn hết. Đến lúc hần bỏ rơi chị, thì chị đã thành một bà già, đi ở đợ nuôi con! Hần chỉ lợi dụng, ích kỷ thể mà dám xưng là Quân tử cho nhục nhã cái chữ quân tử đi. Chẳng thà cứ vỗ ngực nói: Tao là một thằng đểu, đểu chính cống, đểu thượng hạng. Ai ngu thì mắc mưu ta! Nghe còn sáng khoái hơn.

Dung ngơ ngác như vừa bị mất cắp! Đúng là cuộc đời của Dung đã bị hủy hoại mà nàng như vẫn sống trong mơ. Kẻ đánh cắp, ngay giữa thanh thiên bạch

nhật, còn cười vào mũi người bị mất cắp là ngu nữa!

Loan thấy Dung sững sờ, nói tiếp:

– Em còn nhớ câu chuyện “Áo người quân tử” của ba em kể: Ngày xưa, có một anh chàng nọ có một cái áo lạnh khoác ngoài rất đẹp, một hôm túng tiền, anh vào một tiệm cầm đồ hỏi cầm. Chủ tiệm bảo: “Cái áo này, tôi cầm cho ông hai trăm. Ba tháng sau ông chuộc, phải trả thêm hai trăm tiền lời nữa, thành bốn trăm đồng”. Anh chàng kia vì quá cần tiền nên dù biết là bị bắt chẹt tính giá cắt cổ cũng bằng lòng, Anh cởi áo giao cho chủ tiệm và đếm tiền xong định ra về. Anh vừa ra đến cửa thì ông chủ tiệm gọi giật lại: “Này ông, tôi có ý kiến này hay lắm. Tôi thấy ông thật thà, tôi thương, tôi làm phúc làm đức, nói hơn thiệt cho ông nghe. Bây giờ trong túi ông không có lấy

một đồng, đến nỗi phải đi cầm áo. Vậy ba tháng sau ông lấy đâu ra bốn trăm để chuộc áo về? Nếu lúc ấy ông không trả đủ cả vốn lẫn lời cho tôi, để quá ba tháng nữa, thì sẽ phải trả gấp đôi, thành tám trăm đồng. Tôi hỏi thật, ông sẽ đào đâu ra số tiền ấy?” Anh chàng kia gật đầu, cho là phải: “Vâng, ông nói đúng lắm. Ba tháng nữa, tôi cũng không làm sao xoay được bốn trăm đồng” . Chủ tiệm cười híp cả mắt lại: “Tôi biết mà! Vì vậy, tôi mới khuyên ông, nếu ông chịu nghe tôi thì đỡ tốn đỡ khổ. Này nhé, bây giờ trong túi ông đã có hai trăm đồng rồi. Vậy ông trả trước cho tôi hai trăm đồng đi. Ba tháng sau, ông chỉ phải trả có hai trăm đồng nữa thôi, chứ không phải là bốn trăm đồng. Như thế có phải lợi biết bao nhiêu! Nếu ông không trả được, trễ đến ba tháng nữa cũng chỉ thành có bốn trăm đồng, chứ không phải là tám trăm

đồng. Lợi đến một nửa, ông nghĩ thế nào?” Anh chàng nghĩ đi nghĩ lại, thấy bài toán rất rõ ràng minh bạch mà quả thực cũng đúng lý vô cùng. Anh móc túi lấy hai trăm đồng ra trả cho chủ tiệm và ra về. Anh về nhà, thấy lạnh, chợt nhớ ra mình không có áo khoác nữa, trái lại còn có một món nợ quá lớn phải lo trả, lạ quá!”

Dung thét lên:

– Thôi, tôi biết rồi! Chính tôi mới là người quân tử! Tôi là cái anh chàng đem áo đi cầm. Khi chưa biết hăn, thì tôi độc thân, tôi trẻ, tôi đẹp, tôi tự do, tôi có khối bạn bè thương mến, tôi có việc làm để nuôi con tôi. Còn bây giờ? Bây giờ tôi không có gì cả. Tôi phải săn sóc hầu hạ hăn, nấu cơm cho hăn ăn, nuôi con cho hăn. Tôi vẫn phải làm việc công sở của hăn lấy đồng lương để sống, mà lại còn

phải mang ơn hần nữa. Tôi vẫn không chồng, không có tổ ấm gia đình . Hần ở nhà hần, tôi ở nhà tôi, thế mà tôi vẫn phải thuộc quyền hần sử dụng.

Loan ngắt lời:

– Chị hiểu thế là đủ! Thôi em về nhé!

Loan về rồi, Dung gục đầu lên gối khóc nức nở. Nàng muốn liều lĩnh làm reo một phát cho bỏ ghét, nhưng chợt nhớ đến những cái tát như trời giáng của hần. Dung vội vàng dậy mặc áo đi chợ.

Dung chỉ mong còn có đủ thì giờ nấu nướng xong đem đến nhà hần cho đúng bữa cơm chiều. Dung không có cách nào để kháng cự lại với hần được. Dung đâm ra giận Loan. Phải, tại Loan tất cả! Trước khi gặp Loan, nàng thấy đời vẫn êm đẹp. Tuy nhà của Dung bề bộn bần

thủ thực, tuy con cái trông rách rưới bơ vơ thực, tuy những lời hăn nói đều lếu láo thực. Tuy Dung phải làm việc quần quật suốt ngày, tuy hăn hay gây gỗ mắng chửi Dung thực, nhưng nàng đã coi như một sự dĩ nhiên. Ngày trước, hăn khuyến Dung lấy hăn để cho con nàng sung sướng, ngày nay chúng nó giống như con mồ côi cả cha lẫn mẹ, Dung cũng không hề phàn nàn, bần khoản, thắc mắc, nghĩ ngợi, tìm hiểu ai hơn ai thiệt. Tất cả mọi sự đều thành ra dĩ nhiên cả rồi. Dung chỉ biết cố nấu cơm ngon cho hăn ăn. Lo đi đòi được tiền nhà và tiền nợ cho hăn vui. Mỗi ngày làm tròn phận sự và “phi phận sự” xong, tối về ngủ với con, Dung không hề thấy khổ hay nghĩ đến đau khổ. Nhưng không ngờ, hôm nay những câu nói của Loan làm đảo lộn cả tâm hồn nàng. Không lẽ lại chửi người đàn ông đã từng âu yếm mình. Dung nghĩ được

cách giải quyết an toàn là trút hết cả tội lỗi lên đầu Loan. Nàng nghiêng răng lắm lắm:

– Đồ ranh con! Mày thì đã hơn ai! Con mày cũng phải tự nuôi lấy, còn nhieếc tao! Chỉ được cái tài nói dóc, chửi người ta là giỏi, chính mình thì cũng ngu như con bò!

Dung thấy thỏa mãn như đã trả được thù. Nàng nghĩ đến lúc hấn khen món tôm càng luộc ăn với xà lách trộn dầu dấm đặc biệt của nàng pha chế. Chao ơi! ngon quá là ngon! Hấn sẽ sung sướng cười tít lên, rung rinh cả cái thân hình đồ sộ và cái bộ mặt “Đồng tháp mười”, bộ mặt bí hiểm thâm trầm, dữ tợn và cũng “phì nhiêu” ấy! Bỗng nhiên Dung cảm thấy buồn nôn. Đã có kinh nghiệm Dung biết chắc không phải dạ dày phản

ứng vì nghĩ đến hân, nhưng chắc lại có một người “quân tử bé con” nữa sắp ra đời.

MỘT CHUYẾN LÊN BỜ

Lâm không hiểu tại sao sau buổi lên bờ xem thành phố Djibouti trở về tàu, Michiko hình như có vẻ giận anh. Mặc dầu anh hỏi nàng vẫn trả lời, nhưng trông dáng điệu, cách nói, giọng nói, có một vẻ gì xa lạ khác hẳn lúc chưa đi. Michiko là cô gái Nhật đẹp nhất trong số hành khách hạng ba trên chuyến tàu đi Pháp này. Nàng cũng vui vẻ, dễ thương như tất cả các cô gái Nhật dễ thương khác. Michiko đi Pháp học

hội họa chuyên về chân dung, nên nhiều hành khách trên tàu chịu ngồi yên cho nàng tập vẽ “đầu lâu” của họ bằng than. Lúc những người mẫu bất đắc dĩ ở này cảm bức tranh lên cứ ngờ ngợ, không biết ai mà hao hao giống mình, tuy thế, bao giờ họ cũng cảm ơn rồi rít và khen là đẹp lắm.

Lúc mới gặp Michiko, Lâm có cảm tưởng như được uống một cốc nước đá lạnh, làm dịu hẳn tất cả cái nóng oi bức khô khan của miền Nam còn vương lại trong người anh. Hành khách cùng một chuyến tàu vẫn dễ quen nhau. Lâm làm quen Michiko cũng giản dị như những người khác, nghĩa là nhờ nàng vẽ phác một bức chân dung. Lâm tưởng rằng như thế là quen thân nàng rồi. Trong đầu óc anh đã xây dựng một chương trình “ngiên cứu” nàng như những người đàn bà

khác anh đã từng quen biết.

Nhưng sự thực không dễ như anh tưởng. Thái độ Michiko rất thất thường. Mới hôm nay, đôi bạn cùng ngồi nhìn biển, nhìn trời , ngắm sóng suốt mấy tiếng đồng hồ, ngày mai lúc gặp lại, nàng chỉ khẽ gật đầu chào một cách lạnh lùng, phớt tỉnh, như chào đáp lễ một người không quen biết. Thế là anh lại phải đi từ chỗ bắt đầu, chứ không thể nối thêm câu chuyện “còn tiếp” hôm qua. Tuy khó khăn, Lâm vẫn không hề chán nản và càng khó anh càng thấy Michiko hấp dẫn hơn. Mấy người bạn trai lên tàu bảo:

– Gần đến nơi rồi Lâm ơi! Sao mày không theo con bé lai tóc vàng, hay con A Lìn đi Luân Đôn học thuốc kia có hơn không? Michiko lạnh như tuyết của núi Fuji nhà nó.

Lâm trả lời:

- Tao vẫn còn đủ kiên nhẫn để chờ.
- Nhưng tao sợ mày chết khô chết héo mất!

Lâm vẫn tin tưởng:

- Nhưng tao thích chờ. “Nước chảy đá mòn” mà. Bây giờ chỉ có Michiko mới giải được cái khát của tao.

- Nhưng tàu sắp đến Marseilles rồi. Michiko đi Paris, còn mày đi Londre. Anh đường anh, tôi đường tôi . . . Chờ đến bao giờ?

- Tao có hy vọng thành công trước khi chia tay. Michiko hứa lên bờ với tao lúc đến Djibouti.

Tàu đến Djibouti lúc gần 4 giờ sáng. Tất cả hành khách đều thức dậy, ra sân

xem tàu cập bến. Ai cũng chờ đợi được lên bờ xem thành phố và mua thêm thức ăn.

Đã bốn ngày, từ hôm rời Colombo đi vào bể Ấn Độ, sóng rất lớn, tàu cứ chồm lên từng hồi. Mỗi cơn sóng đưa tàu lên cao rồi hạ xuống, người ta cứ tưởng như mình bị rơi vào khoảng không, người nhẹ hẫng đi không biết bám víu vào đâu. Những người yếu bị say sóng nôn nao khổ sở, người mạnh hơn cũng nằm im lìm, thiếp đi, không ăn uống gì trong mấy bữa liền. Ai cũng muốn mua thêm “chất tươi” để đền bù những ngày phải dùng toàn đồ hộp. Tuy tàu cung cấp thực phẩm đầy đủ, nhưng ít ai nuốt xuống được những món ăn riêng cho hành khách hạng ba một cách ngon lành. Nào là bánh mì khô chấm mứt, khoai tây, thịt hộp, thịt muối, da dầu dê. Mùi đồ hộp

mới ngửi hơi trong không khí chứ chưa nếm đã thấy sợ rồi. Suốt tháng thực đơn chỉ quanh quẩn mấy món đường trường để dành lâu được làm người ta phát ngán thấy thèm rau, thèm bất kỳ món gì, miễn không phải từ trong hộp mở ra.

Lúc tàu bỏ cầu xong, hành khách chen nhau xuống, bấy giờ mọi người mới thất vọng thấy Djibouti chỉ là một hải cảng nhỏ, vắng vẻ, mà đất liền là sa mạc hoang vu. Trong thành phố, chỉ có độ mười tiệm bán hàng của Pháp, và các tổ chức hành chánh trong thành phố.

Lâm mang máy ảnh theo, nhưng không có gì đáng chụp ảnh hay quay phim. Trong chợ, ruồi bay tung lên như từng đàn ong. Cả thành phố chỉ có vài người đàn bà Ả Rập trùm vải đen từ đầu đến chân, chỉ để hở hai mắt, ngoài ra, toàn là đàn ông. Một giở nhỏ, cũng phải hai

người đàn ông đi bán. Một người xách chùm nho và cái cân tay đi trước, một người đội giỏ nho theo sau. Họ mời mua bằng cách dí chùm nho vào mặt khách qua đường. Những người bán báo và ăn mày bán thử, đầu tóc xoắn tít từng vòng và đen như không thể nào đen hơn được nữa, đứng vây chung quanh du khách, nhất là phái nữ. Thỉnh thoảng, họ vỗ vai, nín áo, kéo tay, sờ má, làm cho các bà các cô sợ chạy tán loạn cả lên cổ nấp vào những tiệm bán hàng.

Thấy Michiko có vẻ sợ hãi nhất, bọn họ càng trêu ghẹo. Mấy người cảnh sát thỉnh thoảng chạy đuổi và tóm lấy một người Ả Rập, giơ tay dọa đánh mấy cái, rồi lại thả ra ngay để chạy đuổi theo một người khác, rồi lại thả, như chơi hú tim.

Về đến tàu, cô bé tóc vàng thấy Michiko liền vội gọi bảo:

– Chị về đi tắm mau, kéo chúng nó tắm hết nước nóng. Lấy bàn chải mà chải cho hết cái mùi khét đi.

Michiko hỏi lại:

– Cô cũng bị chúng nó túm lấy hay sao?

– Còn tai hại hơn tất cả mọi người. Em mặc quần ngắn.

Lúc tàu chạy, mọi việc lại đầu vào đấy. Hành khách đều lên sân hóng gió, tụm lại từng đám chuyện trò. Lâm đến bên cạnh Michiko. Nàng đang nói chuyện với các sinh viên Á Châu, không hề thoáng nhìn anh một cái, làm Lâm thấy khó chịu vô cùng. Mặc dầu anh đã quen cái tính “nóng lạnh” thất thường của Michiko, Lâm vẫn ngạc nhiên tự hỏi tại sao nàng lại có thể thay đổi chóng đến như thế được.

Mới vừa rồi, lúc đi trong phố, Michiko còn nép vào anh để tránh những kẻ tàn tật ngồi trên xe lăn tay, xin tiền bằng cách cứ cho xe đâm bừa vào người ta rồi nín áo mà xin tiền. Michiko lại còn đòi lại hộ anh cái bút máy anh kẹp ở túi áo, bị một người Ả Rập bán báo, một tay cầm tờ báo dí vào mặt anh, còn tay kia rút bút. Thế mà bây giờ, chỉ cách có một giờ đồng hồ sau, anh đứng bên cạnh nàng, chặn cả một phía gió, nàng vẫn phớt đi như không. Michiko chỉ nói chuyện với những người khác và lảng tránh anh, coi anh như một cái cột nhà không bằng.

Một ông già Ấn Độ hỏi Michiko:

– Nghe nói bọn chúng nó bám theo cô như ruồi, xua không kịp, phải không? Các Bà ham mua sắm quá nên phải trả cái giá đó.

Vợ ông ta tiếp theo:

– Cứ gì phải đi đâu. Ngay dưới cầu tàu, chúng nó cũng bày hàng ra đấy nào là thuốc lá, nào là thảm dệt, kẹo cao su toàn là những thứ không cần dùng đổi với chúng mình.

Một thanh niên Nhật hậm hực bảo:

– Ai bảo cô không đi với chúng tôi. Lâm nó có sẵn sóc gì cho cô đâu!

Michiko cười bảo:

– Ô hay, ông ấy có phải là vệ sĩ của tôi đâu mà có bốn phen phải bảo hộ cho tôi! Chúng tôi đi chung với bọn người Mỹ kia nữa, là để chia nhau trả tiền tắc xi cho nhẹ đấy thôi. Ai lo phen nấy chứ!

Lâm nghe thấy thế, trong lòng khó chịu vô cùng. Bọn họ nói chuyện ngay

trước mặt anh mà không hề thoáng nhìn anh một cái, để cho phép anh cũng góp ý kiến.

– Nếu cô cùng đi với tôi thì phải biết! Tôi tuy người bé nhỏ thế này, nhưng nếu đứa nào dám động đến chéo áo của cô thì tôi sẽ đánh cho sặc máu.

Một sinh viên Trung Hoa sang Tây Ban Nha học hát, chế nhạo:

– Thôi đi. Bộ tướng anh nhẹ như lông gà thế kia thì chạy trước ấy. Lâu nó to lớn như hộ pháp mà còn không bảo hộ nổi cho cô bạn gái cùng đi với mình, để cô ấy sợ, sút cân trông thấy ngay trước mắt.

– Thế anh hơn gì tôi? anh cũng chỉ được cái giọng to. Hát “Opera” mà! Ừ, nếu cần thì kêu cứu giúp, cũng đỡ.

– Đàn ông Á Rập thế mà khôn đáo để. Đàn bà của mình thì bắt che kín mặt mày nhốt trong nhà, để tự do đi trêu ghẹo đàn bà của người ta!

Michiko gạt đi:

– Thôi, anh có đi cũng đến thế. Ai có thân nấy lo. Anh Lâm phải chụp ảnh, quay phim, làm việc riêng của anh ấy. Tôi có chân thì tôi . . . chạy!

Lâm nghe như có một cái gì đâm nhói ở trái tim. Bây giờ anh mới hiểu cái cử chỉ lạnh nhạt của Michiko. Anh muốn nói một câu gì để tỏ sự có mặt của mình:

– Tôi thấy không có gì đáng sợ cả!

Anh chàng “nhẹ như lông gà” nói mĩa:

– Phải, anh thì sợ gì. Chúng nó có sờ vào người anh đâu mà anh ghê! Anh chỉ cần trợn mắt quát lên một tiếng là chúng nó chạy biến đi hết, mà anh cũng không làm. Chắc lười anh để ở dưới tàu, lúc đi chơi quên đem theo!

Lâm ngượng nghịu, ấp úng:

– Tôi mong có dịp khác . . .

Michiko trả lời ngay:

– Vâng, khi nào muốn cất nhà, sẽ nhờ anh vẽ kiểu và tính hộ vôi gạch.

Lâm tái người. Anh không ngờ, trong mắt Michiko bây giờ, anh chỉ là một người biết đọc một môn làm toán vôi gạch. Xưa nay anh vẫn tự phụ là một tay lão luyện trong nghề. Anh làm toán không bao giờ sai một con số. Một tòa lâu bao nhiêu tầng thì phải dùng bao nhiêu

vật liệu, nền phải đổ sâu bao nhiêu, mấy tháng hoàn thành, lại có thể tính trừ hao cả nhân công bị tai nạn trong lúc xây cất. Thế mà bây giờ đứng trước một đám ranh con, anh đã bị ” lự” một cách thê thảm. Lâm tưởng tượng, sau lưng anh bọn họ sẽ nói với nhau:

– Hừ, anh chàng Lâm được cái bộ mã ” lực sĩ Hy Lạp”, thực ra thì chỉ là một cái ”tủ lạnh” biết đi, mỗi ngày ăn đủ năm bữa, mà ra đường không che chở nổi một người đàn bà đi bên cạnh mình.

Lại còn những câu họ đã nói ngay trước mặt anh:

– Tôi tuy người bé nhỏ thế này, nhưng đứa nào dám động đến cô, tôi sẽ đánh cho sặc máu . . .

– Khi nào cần xây nhà, tôi sẽ nhờ anh . . .!

Chao ơi! Nhục nhĩ làm sao! Thì ra, trong địa hạt vôi gạch, sắt gỗ, anh là một bức đàn anh, nhưng bước ra ngoài đường với phụ nữ, anh không biết nên đi chân trái hay là đi chân phải trước.

Sực nhớ lại lời những người đã từng sang Nhật kể lại cho anh nghe về dân tộc Nhật, nhất là đức tính bái phục anh hùng của đàn bà, anh thấy quả thực mình phải học lại từ đầu. Trong mắt Michiko bây giờ, anh chỉ là một người làm toán giỏi mà thôi!

Bất giác, máu anh hùng trong người anh sôi sùng sục. Anh ao ước giá có một cơ hội thứ hai, nhưng lịch sử dễ gì được trùng diễn! Bây giờ, chung quanh Michiko đã có hàng nửa tá “anh hùng rơm” xin làm vệ sĩ cho nàng những bến sau. Và dù cho cuộc lũ hành có trở lại ngay từ phút ban đầu đi nữa, Michiko cũng đã thấy

anh chỉ là một người nhu nhược, sợ từ đứa trẻ bán báo trở đi, anh bảo hộ nàng một lúc cũng không xong, nói gì đến cả cuộc đời!

Lúc ngồi vào bàn ăn buổi tối, Michiko tránh không nhìn Lâm. Lâm cũng thế, anh chỉ nhìn cốc rượu vang đỏ trong tay, rồi nhìn Alice, cô gái Tích Lan có màu da cà phê không pha sữa.

Sau giờ ăn là giờ hóng mát. Michiko lên sân vẽ cảnh mặt trời lặn. Nàng pha màu mặt trời đỏ lẫn với vàng. Bể xanh đậm và trong. Từng đàn cá bay, nhảy vút lên rồi là rơi xuống mặt nước. Sóng đánh tóe vào mạn tàu, tung ra trong đám bọt trắng xóa một màu da trời rất tươi.

Lâm không xem Michiko vẽ. Anh đến ngồi cạnh Alice giúp nàng tháo len. Anh còn sáu ngày đường và mấy chục

tuổi trời nữa. Anh thấy cần phải làm một cái gì, yêu một người nào, nếu không, đời anh sẽ khô héo dần như cây không được tưới nước.

Alice nói chuyện với anh rất vui vẻ, tay nàng đàn len cũng nhanh nhẹn và thành thạo không kém gì tay Michiko pha màu, nhưng Lâm thấy câu chuyện của Alice không thể làm anh vui, cũng như đôi mắt thâm đen, âm u của Alice không thể lẫn với đôi mắt cũng đen nhưng trong sáng và biết cười một cách ngạo nghễ mà vẫn dễ thương của Michiko.

Đời anh đã gặp nhiều đàn bà, nhưng anh không nhớ là đã yêu ai đến một nhiệt độ cao nhất chưa, và bây giờ, có phải là anh đã yêu Michiko hay không, nhưng cái cảm tưởng mất Michiko làm cho anh chua xót hơn bao giờ hết.

Không có cách gì kéo được thời gian trở lại phút bắt đầu. Tàu càng ngày càng xa bến. Anh đi tìm các cô Ấn Độ, Tích Lan, Trung Hoa nói chuyện, nhưng trong mắt anh, bọn họ vẫn chỉ là những cốc nước cam, nước chanh hay là nước nho . . . Riêng Michiko đã biến thành một kỷ niệm “đạn tư” chứ không phải tương tự, rất trong sạch, Michiko là một hình ảnh Lâm đã ấp ủ và ước ao như người bộ hành giữa sa mạc khao khát một cốc nước đá lạnh có thần diệu của nước Cam Lô trị bách bệnh.

Chỉ có Michiko vẫn thản nhiên vẽ, trong bức tranh, cũng như trong cuộc đời, nàng vẫn bạo tay xóa bỏ hay vẽ lại những nét không vừa ý.

ÁO MỚI

Chiếc áo đầu tiên quý giá nhất trong gia đình tôi là một chiếc “Áo vua ban”. Hồi ấy, ba tôi làm việc tại Tòa Khâm Sứ Huế, mẹ tôi là một cô Tôn nữ nghèo, Tôn nữ là một người thuộc Hoàng tộc, địa vị xa lắc xa lơ. Nhưng cũng nhờ thế bà có đường dây bà con quen biết để tiện việc mách mối mua bán đồ cổ. Ngoài ra, bà còn chụp ảnh cho các Bà Hoàng, Bà Chúa, Bà Phi, Bà Tân trong Hoàng cung.

Nghề mách mồi là một công việc buôn bán rất nhàn. Bà chỉ việc diện bánh, rẽ đường ngói cho thẳng, bôi dầu dừa bóng loáng và thơm nức lên, chiếc quần lụa cũng được là ủi thẳng và xếp thành nếp hai bên, gọi là “xếp con”, năm con, bảy con gì đấy, càng nhiều “con” càng sang trọng quý phái. Ăn mặc tề chỉnh như thế xong, bà chỉ việc đến nhà các Mệnh phụ, Công nương, ngồi lê đôi mách một vài buổi. Thế là “Mệ” nào muốn bán cái gì, cụ nào muốn mua cái gì, mẹ tôi biết rõ cả. Bà chỉ việc vắt vẻo ngồi lên chiếc xe kéo nhà, đi thăm viếng xã giao vài lần, là kẻ mua người bán đều vui vẻ.

Nghề chụp ảnh mấy chục năm về trước còn là một nghệ thuật rất mới mẻ, nhất là đối với các Mệ, các bà Phi, bà Tần không thể ra phố mua bán tự do như người thường. Mẹ tôi được các bà

hoan nghênh vô cùng. Phải, còn gì sung sướng hơn một bà Phi, suốt mấy năm trời chẳng hề trông thấy “mặt rồng” của ông chồng vua, bỗng dưng có được một tấm ảnh mình ngồi chễm chệ trên chiếc ghế bành chạm trổ tinh vi, còn “Hoàng Đế” thì đứng bên cạnh, quàng tay qua lưng ghế, như ôm một cách âu yếm. Mẹ tôi ghép ảnh rất giỏi và tính giá cũng rất “phải chăng”. Nhưng, tiền có nghĩa lý gì đối với những Cung Phi suốt đời, từ lúc tiến cung cho đến già, đến chết vẫn còn là trinh nữ! Tấm ảnh an ủi họ làm thỏa mãn một phần nào lòng hâm mộ hư vinh đã được nuôi dưỡng từ lúc bé thơ.

Trong số khách hàng của mẹ tôi có một bà mẹ Vua. Vua còn bé đang đi học xa. Bà ở nhà, sống một cuộc đời vương giả. Suốt ngày bà chỉ biết đánh bạc với những người đến “bắm châu” tiếng

riêng có nghĩa là nịnh bợ. Bà đoạt kỷ lục về nợ nần, chỉ vay mà không cần phải trả. Bà cho là mọi người ai cũng có bốn phận phải cung phụng bà, đưa tiền cho bà tiêu xài như “đưa con vô Nội” một thành ngữ có ý nghĩa sẽ không bao giờ gặp lại. Nhưng bà cũng không bao giờ quên an ủi họ, khéo léo nói úp mở cho họ biết, ngày “Hoàng Đế hồi loan”, bà sẽ đền ơn trả nghĩa. Không biết mẹ tôi có bị bà mê hoặc không, mà nếu có thì chúng tôi, những ranh con, cũng không được quyền can thiệp.

Tôi còn nhớ bốn chị em tôi có bốn chiếc kiềng vàng, một thứ nữ trang đa dụng, vừa đeo cổ cho đẹp, vừa để dành làm cửa, làm vốn, và nếu cần tiền có thể cầm bán tạm thời qua cơn túng ngặt. Bốn chiếc kiềng lịch sử ấy có một con đường đi bất di bất dịch. Từ nhà tôi đến

nhà bà Bộ, một bà nhà giàu chuyên cầm vàng bạc. Chúng nó đi “lũ hành” như thế, ít nhất mỗi tháng vài lần. Mỗi khi mẹ tôi xoay được món tiền, chuộc về nằm trong tủ chưa được nóng chỗ, thì lại có lệnh “Ngài ban vay”. Và như thế, bốn chiếc kiềng bé bỏng của chúng tôi lại lên đường đến nhà bà Bộ tạm trú. Bốn chiếc kiềng vàng đi con đường vòng độc nhất, còn số tiền cầm đồ nhận được thì đi con đường độc đáo một chiều, và là một con đường cụt. Nó từ túi bà Bộ sang túi mẹ tôi, rồi nhảy sang túi “Ngài” để rồi bị thủ tiêu mất tang mất tích trong chiếu bạc, không còn một chút dấu vết gì để lại với đời.

Đã thế, thỉnh thoảng “Ngài” lại “ngự” đến “tệ xá” của chúng tôi ở Nam Giao, mặc dầu “tệ xá” quả thực là quá tệ. Nó chỉ là một gian nhà bé nhỏ nằm lọt vào

một vùng đất trống, xưa kia là một bãi tha ma to lớn, cách xa thành phố đúng ba cây số.

Ba mẹ tôi sở dĩ chọn nơi xa xôi như thế để xây “biệt thự” , vì theo lời bác sĩ khuyên, ba tôi yếu phổi nên phải thở không khí có gió thông trong lành rất cần cho sức khỏe. Ấy thế mà trong “tê xá” có rất nhiều đồ cổ quý giá. Những món ấy toàn là của các Công nương, Mệnh phụ gửi, nhờ cầm hay bán hộ. “Giấy rách phải giữ lấy lề” nên dù ngày mai không còn gạo để nấu cháo loãng, họ cũng vẫn giữ bí mật, không bao giờ dám ra mặt tự cầm bán đồ vật. Họ vẫn còn làm bộ điệu rất kênh kiệu quý phái cao sang, cả đến những khi cần đến hai xu để ăn quà sáng.

– Đưa đây cho Mẹ hai xu, Mẹ “chém” một củ khoai chơi nà!

Tuy cảnh túng của họ đã trầm trọng đến thế, mà bệnh “khẩu khí” vẫn không hề thuyên giảm, và các Mẹ thấy cuộc sống vẫn không bớt phần hấp dẫn thú vị tí nào. “Mẹ” là tiếng xưng hô một bà cụ rất già, hay những người trong Hoàng tộc, không phân biệt già trẻ nam hay nữ.

Đường đến nhà tôi, hai bên trồng toàn thông xanh và phải lên hai cái dốc rất cao. Thỉnh thoảng, người ta lại thấy từ dưới dốc đằng xa có một chiếc xe kéo sơn son thếp vàng, một chú lính mặc áo đỏ, chân quần xà cạp vàng, đầu đội nón chóp, ì ạch kéo xe lên dốc. Sau xe có hai cô bé con độ mười bốn, mười lăm tuổi, mặc áo màu hỏa hoàng, đầu chít khăn đồng màu, tóc xõa ngang vai. Một cô tay cầm chiếc hộp trầu và cái ống nhổ bằng bạc, một cô tay cầm chiếc quạt lông, lễo đẽo chạy theo sau xe. Thỉnh thoảng, cô

bé cầm quạt cố chạy lên ngang hàng với chiếc xe, giờ chiếc quạt lông lên, phẩy nhẹ một cái vào trong xe, rồi lại trụt dần xuống đằng sau. Ấy thế mà bọn họ từ Cung cấm trong Thành Nội ra tận Nam Giao, ngót bốn năm cây số để đến “tệ xá” đấy.

Sau khi đến nơi, “Ngài” chễm chệ leo lên chiếc sập cần xa cù đặt ngay chính giữa nhà, hai thể nữ đứng hầu hai bên, kẻ pha trà, người quạt hầu. Ngài lần lượt ngắm nghía, thưởng thức các đồ vật trong “tệ xá”, và cố nhiên khi “Ngài” rời gót ngọc, những món đồ cổ không ít cũng được theo “Ngài” ngự, lên chiếc xe nhà sơn son thếp vàng có hai thể nữ chạy theo hầu ấy.

Trước khi bước chân lên xe, thế nào “Ngài” cũng “ban truyền”:

– Chị Tham tính tất cả tiền những cái ché và độc bình này đi. Cả cái Táo lung Cây vàng Lá ngọc kia nữa, rồi ta sẽ trả tiền lại chợ Còn cái sập cần này, chị cho ta mượn, mai ta sai thị vệ ra chở.

Mẹ tôi chỉ biết “Dạ” mà nuốt lệ. Bởi vì mẹ tôi biết, đồ vật cũng như người, khi đã được “tiến cung” thì chỉ còn đợi chết! Mặc dầu được sủng ái, số phận của đồ vật còn đen tối hơn Cung phi Mỹ nữ không được sủng ái. Các cung nhân, khi về già còn được thái hồi nguyên quán, trái lại những món đồ cổ, càng già càng quý thêm, càng không mong gì được trả về với cố chủ.

Cứ mỗi khi như thế, ba tôi lại lâm bầm:

– “Thấy Vua” rõ thật là “thua vầy”!

Cuộc đời cứ thế trôi qua. Ba tôi ngày ngày đi làm. Mẹ tôi giới thiệu việc mua bán đồ cổ và ghép ảnh cho Quý Bà cô đơn. Tiền kiếm được, dùng để nuôi chúng tôi một số rất nhỏ, còn phần lớn để nuôi “Ngài”.

Một hôm, chắc lương tâm “Ngài” thức dậy, hay là “Ngài” sợ nợ mẹ tôi nhiều quá, nếu kiếp này không trả bớt, đến kiếp sau sẽ thành ra “nợ thiên khối” vốn cộng thêm lời lãi chồng chất lên nhau thì nguy to, Ngài bèn long trọng “tuyên dương công trạng” một hồi, rồi “thân tặng” cho mẹ tôi một chiếc áo cũ của ông Vua con.

Đó là một chiếc áo the đen, bên trong lót một lớp hàng mỏng màu vàng. Chiếc áo còn thơm nức mùi xạ hương và long não ướp lâu ngày. Mẹ tôi đem chiếc áo ấy về, vênh vang như một kẻ “áo gấm về

làng” . Sự sung sướng của mẹ tôi, được cái “Áo Vua Ban” ấy, cũng giống như tâm trạng người cung phi trình nữ, được tắm ảnh ghép ngời chung với Đức Vua Cả hai cùng muốn mang cái ảo ảnh hảo huyền ra để thỏa mãn lòng tự ái, lừa mình, lừa người cho đỡ cơn ghiền!

Chiếc áo về phân chị cả tôi. Mỗi năm vài lần, trong những ngày kỵ giỗ, lễ Tết, cái “Áo Vua Ban” ấy được trân trọng “trình bày” trên thân hình bé nhỏ của chị tôi một vài giờ, rồi lại được trân trọng xếp vào rương chờ dịp khác.

Năm tháng qua, chị tôi mới đầu mặc chiếc áo còn rộng thùng thình, rồi chật dần, ngấn dần cho đến khi mặc không vừa nữa, phải cho chị Hai tôi thay thế. Từ chị Cả đến chị Hai, anh Ba, anh Tư, anh Năm, rồi đến chị Sáu, chiếc áo không phân biệt giới tính ấy, mỗi năm lại có dịp

đem ra hóng gió một vài lần. Năm lại năm, chờ mãi rồi cũng có ngày đến lượt tôi được xỏ tay. Hôm Tết, mẹ tôi mang chiếc áo lịch sử quý giá ấy ra để mặc cho tôi và bảo: “Hoa ơi, cái áo này bây giờ về phân con”, thì nó đã mục nát và chỉ động đến là rã tan ra từng mảnh!

Thời gian chờ đợi dù lâu bao nhiêu rồi cũng phải đến, Đông Cung Hoàng Thái Tử ở Pháp học thành tài trở về nước để được tấn phong chính thức làm Vua Và cũng từ lúc ấy, “Ngài Mẫu Hậu” ra lệnh không tiếp tất cả các chủ nợ. Bây giờ, “Ngài” đã thành ra một bậc cao sang nhất, không thể có chủ nợ, và lại càng không muốn gặp người nào đã từng quen biết “Ngài” những năm tháng hàn vi. Thật là chí lý, chí tình vậy! Còn gì khó chịu hơn một kẻ ở địa vị cao sang, mà ngày ngày phải trông thấy những chủ nợ

ngày xưa, đám người mình từng nhờ vả năn nỉ kêu than túng thiếu, những kẻ đã phải cầm bán vay mượn cho mình tiêu xài. Đó là một dĩ vãng buồn, một sỉ nhục tinh thần, có thể làm mất bớt uy nghiêm nhiều lắm.

Tết năm ấy, tôi không được mặc chiếc áo đã bao nhiêu năm chờ đợi để đi mừng tuổi, nên tôi khóc mùi khóc mẫn cả buổi sáng. Tôi tưởng tôi khóc vì khi chiếc áo quý đến phần mình thì hóa ra một mớ dẻ vụn tả tơi rách nát; nhưng thật ra tôi đã khóc cho cái ảo ảnh “ân trả nghĩa đền” của mẹ tôi bị tan vỡ. Tôi khóc cho cái chết của chiếc áo, đổi bằng tất cả tài sản mẹ tôi dành dụm được. Tôi khóc cho nền móng tương lai của một đám trẻ thơ, đáng lẽ được dùng của cải ấy để bồi đắp cho thể chất và tinh thần.

Những năm sau đó, gia đình tôi ngày một khá hơn. Có lẽ vì không phải cung phụng cho ai khác ngoài gia đình, nên lần lần trong mâm cơm đã bắt đầu có nhiều món cá thịt ngon lành. Ba tôi cũng vui vẻ giảng giải cho chúng tôi biết về những thức ăn bổ dưỡng cần thiết cho sức khỏe, một đề tài trước kia ông cố tránh.

Một hôm, không hiểu tại sao, mẹ tôi bỗng nhiên “phát từ bi tâm” may cho chị Sáu, tôi, em Tám và em Chín, mỗi đứa một cái áo xa-tanh màu phấn hồng. Xấp hàng này, có người tặng cho mẹ tôi trong dịp ăn lễ đầy tháng em thứ mười một. Chúng tôi mừng rỡ trông đợi ngày trọng đại, ngày được mặc chiếc áo hồng lộng lẫy, sắc sỡ, bóng loáng, mát rười rượi và rộng thùng thình như áo tể ấy, thì bỗng dưng ông nội tôi chết. Tôi thấy cha mẹ tôi khóc, anh chị tôi khóc, tôi cũng khóc.

Nhưng thực ra, tôi không nhớ đã được thấy mặt ông nội tôi hồi nào. Tôi khóc là khóc cho bốn chiếc áo xa-tanh hồng tươi rực rỡ, chưa từng được diện qua một lần, vì phải để tang, đã bị mẹ tôi ngâm vào nước thuốc nhuộm răng. Chúng nó biến thành một màu kỳ lạ, không vàng, không lục, không xanh. Màu ấy, ba tôi gọi mỉa mai một cách văn chương là màu “dưa cải úa mùa thu”. Nếu bây giờ bảo tôi đặt tên lại, thì tôi sẽ gọi là một bức tranh lập thể may thành áo. Từng vệt, từng đám, ngang dọc chồng chất lên nhau, níu kéo nhau chẳng chặt. Cái áo nhuộm như thế đấy, mà chúng tôi vẫn phải khen cho mẹ tôi bằng lòng. Bởi vì, đã có định luật rằng một khi “đấng sinh thành” đã quyết định thì con cái phải vui vẻ “Dạ, Vâng”, mới có hiếu. Phần các bậc trưởng thượng thấy các con vui cũng tưởng thiệt mà vui theo một cách dễ dàng.

Chúng tôi phải chịu đựng cái xấu xí của áo, và áo cũng phải cố chịu đựng sự tàn nhẫn vui đập của bọn trẻ con. Chúng tôi mặc nó lúc nằm lăn đùng nghịch dưới đất, mặc suốt ngày đêm, vò nát nó, ném nó từ góc này sang góc khác. Đôi khi còn cắn nát chéo áo để xem cái mùi chua chua, có phải thật chỉ là thuốc nhuộm chua như mùi dưa cải úa, hay còn lẫn mùi gì khác nữa không.

Thật ra, số phận của những chiếc áo ấy cũng đáng thương như chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi sớm đã bị nhuộm thành một màu “dưa cải úa mùa thu”, hay cũng chỉ là một bức tranh lập thể chồng chất những niềm đau khổ bé thơ, đã ai hơn gì ai đâu! Thế mà chúng tôi nở dần vật chúng nó cho đến khi rách nát, và cùng lúc ấy, tang ông nội tôi cũng vừa mất.

Một bà bạn gái của mẹ ở Saigon gửi tặng mẹ tôi một xấp hàng xa-tanh hồng khác. Mẹ tôi ngại màu sắc quá sặc sỡ lộng lẫy không hợp với người lớn tuổi, nên may cho bốn chúng tôi. Bốn chiếc “áo tề” vừa dài vừa rộng, may xong được cất kỹ, đợi “ngày lành tháng tốt” mới đem ra diện. Thỉnh thoảng, tôi lên mở rương vuốt ve cái áo một lúc. Tôi nâng nó lên, áp chất mịn màng mát rười rượi lên cằm, lên má. Tôi ướm nó vào người, hít cái mùi thơm long não ướp trừ sâu mọt và mùi xạ hương từ trong áo toát ra một cách say sưa. Nhưng cái “ngày lành tháng tốt” ấy không bao giờ đến, vì bỗng nhiên chú tôi mất. Kể ra thì đó chỉ là một cái tang nhỏ thôi, nhưng mẹ cũng bắt chúng tôi để tang. Và một lần nữa chúng tôi khóc cho chiếc áo đẹp lại phải nhuộm thành một màu lem luốc không tên!

Ba tôi lúc ấy đã bắt đầu rảo bước trên con đường trải toàn thỏ ngà. Ông chuyển đổi ngành công chức với Chánh Phủ Bảo Hộ sang ngạch Nam Triều, nôm na gọi là làm quan. Mẹ tôi không còn phải đi giới thiệu mua bán đồ cổ và cũng không cần chụp ảnh cho ai nữa.

Chúng tôi, mỗi người được sắm một con heo đất để dành tiền. Nhưng, những con heo ấy, hàng năm đều phải bị đập ra, vì mẹ tôi mở cuộc “lạc quyền” để may áo quần cho bọn con trai trước ngày tựu trường. Cảm thông những nỗi khó khăn của các anh khi cần thiết, chúng tôi lúc nào cũng vui lòng “quyên”. Mẹ tôi bảo đấy cũng là làm việc nghĩa, chẳng mất đi đâu mà thiệt, vì mai đây, khi các anh mặc ngắn, những chiếc áo ấy cũng sẽ đến phần chúng tôi.

Khi những chiếc áo xa-tanh nhuộm mực lem luốc thứ hai “quá cổ” rồi, bọn con gái đã thành những cô gái dậy thì. Chúng tôi đã biết then, nhưng khi ra đường vẫn cứ phải mặc những chiếc áo vải dù, vải ba-ga con trai đã bạc màu và rộng mênh mông như cả một trời đau khổ. Chúng tôi cố năn nỉ xin mẹ may một cái áo mới cho ra hồn. Mẹ tôi bảo:

– Áo các anh mặc ngắn, thiếu gì! Còn tốt và bền lắm, may một lần cho cả bấy nhiêu tiền lắm, chứ tưởng ít sao! Ngày xưa, suốt đời mẹ chỉ có một chiếc áo vải. Còn các con đã có bao nhiêu cái áo đẹp rồi, nhớ không? “Áo vua ban” này, áo xa-tanh nhuộm màu dưa cải này...

Tôi nhắc:

– Dưa cải úa mùa Thu chứ!

– Ủ thì Thu Đông gì cũng được. Lại còn cái áo xa-tanh nhuộm màu mực này.

Tôi cãi chính:

– Màu lem luốc chứ.

– Con Hoa thật nhiều chuyện! Mới may rồi, còn đòi gì nữa!

Em Tám nói:

– Dạ, mới may bốn năm về trước!

Mẹ tôi mắng:

– Chúng mày rắc rối lắm, không biết hà tiện hà tặn, sau hết phước đi! Phải nhớ, hồi xưa mẹ chỉ có một cái áo, nên mới có ngày nay!

Em Chín tiếp:

– Nhưng mà mẹ quên mẹ là con ông Huyện, và mồ côi, còn chúng con là con

ông Tổng Đốc đương thời!

Mẹ tôi giận dữ quát lên:

– Ai dạy cho mày ăn nói giảm phước thế?

– Mẹ không thương chúng con. Mẹ chỉ thương chị Hồng. Mẹ nhớ chị Hồng mất ăn mất ngủ. Mỗi khi chị Hồng tới xin tiền là mẹ đập con Heo của chúng con

Mẹ tôi vội vã:

– Thôi thôi, để tôi may, các cô không cần phải kể con cà con kê...

Mẹ sợ chúng tôi phân bì với chị Hồng lắm. Mỗi tháng cô chị họ ấy đến thăm mẹ tôi một lần, và mỗi lần như thế là cả nhà náo loạn cả lên. Nội một việc hầu hạ phục dịch chị cũng đủ một phờ

ra. Chị ăn tiêu rộng rãi, thưởng tiền cho người nhà rất hào phóng . Đối với chúng tôi, chị cũng “thết đãi” linh đình. Nghĩa là gọi cả một gánh bánh bèo hay bún bò vào nhà, thết mỗi người một tô Chỉ có một cái “di hận” là chị chuyên môn đập heo của chúng tôi. Ba cho chúng tôi mỗi đứa một ống tiền đặc biệt, tiền thưởng nhiều ít tùy theo học giỏi, trả bài thuộc, những bài học ông soạn riêng để dạy mỗi ngày. Tiền ấy được bỏ vào con heo bằng đất nung mục đích để dành làm của hồi môn. Nhưng từ khi chị Hồng phát giác ra câu chuyện ấy thì chị rủ mẹ cho chúng tôi hùn vào tiệm may của chị. Mỗi tháng, chị đến đập heo của chúng tôi một lần. Mãi cho đến khi chị bán cửa tiệm đi lấy chồng, chúng tôi chẳng hề thấy chị thanh toán tiền nong hùn hạp gì cả, làm tôi cứ tưởng là cửa tiệm của chị ở nhằm hướng “tán tài” nên suốt bao nhiêu năm

trời chỉ chuyên môn thua lỗ. Và cái bản tính không bao giờ thanh toán công nợ ấy, chị vẫn giữ mãi suốt đời.

Mẹ tôi quả nhiên giữ lời hứa, lấy một xấp hàng “xa xỉ” màu vàng nhạt để tận đáy rương ra, may áo cho chúng tôi. Bà gọi người lính ở trong dinh biết may cắt dặn:

– May cho thật dài rộng mát mẻ nghe không!

Vì chúng tôi đã lớn, đã biết sợ những chiếc áo rộng mênh mông, mặc vào như bơi đúng trong áo, nên nghe thế, phải dặn với:

– Ủ, may cho dài...

Và đứng sau lưng mẹ, lấy tay ra hiệu cho người thợ may chặt.

Đến lúc áo may xong, mặc thử, thật là dở cười dở khóc. Nó dài phết gót và chật như bó chả. Chật đến nỗi tay không co lại được. Người tôi cứ cứng ra như khúc gỗ không cử động trong chiếc áo đó. Chỉ mấy tháng, chiếc áo mới đã phải vá cùi tay và tiếp thêm nách. Nhưng dù vá vúi xấu xí đến đâu, tôi cũng mặc đi nhiều nơi, nó vẫn còn hơn chiếc áo vải ba-ga đen cũ bạc mầu của bọn con trai chuyển lại.

Kế vị chiếc áo đấu tranh mà có này là một chiếc áo “vải cạt”. Gặp lúc chiến tranh, mọi vật dụng đều khan hiếm nên phải được phối cấp, hàng vải cũng thế. Và chúng tôi được may một cái áo bằng thứ “vải cạt” phối cấp hoa lá cành chẳng chịt, màu xanh đỏ tím vàng loạn xà ngầu, sặc sỡ lòe loẹt, nhà quê một cách không thể tả được. Mặc vào trông như một tấm vải

màn, hay cái ghế nằm sofa biết đi. Thế nhưng tôi vẫn phớt tỉnh. Coi như trên đời này không còn ai nữa!

Từ đấy về sau, mẹ tôi chẳng cần phải may áo mới cho chúng tôi nữa, vì chị Hồng thỉnh thoảng lại gửi về một ít quần áo cũ. Trong số y phục loạn xà ngầu ấy, có hai cái còn coi được. Chị Sáu chọn cái áo màu đỏ, tôi mặc vừa áo màu xanh. Hai chị em, mỗi khi đi phố, đi chợ, đều diện hai cái áo đẹp nhất của mình, mặc cho thiên hạ bạn bè “khen ngợi”. Nào là màu sắc chửi nhau, nào là “người trong tranh”, nào là bất chấp thời tiết v.v... Chúng tôi giữ vững lập trường “mục trung vô nhân” không cần ai và cũng không cần biết đến cả Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Kể từ ngày mẹ giao tiền chợ cho chị Sáu giữ để chị tập việc quán xuyến gia đình, chị không còn thắc mắc về vấn đề

ăn diện làm dáng nữa. Chị tự sắm rất nhiều áo quần đẹp, nhưng cứ nói dối là của bạn bè, bà con ở xa gửi về cho, thành ra mẹ không la rầy được, mà chúng tôi cũng không thể phân bì được. Tôi cầu mong chị cao lớn thêm lên, hay béo ra một chút, để rơi rớt cho tôi vài cái. Nhưng rủi quá, người chị bé nhỏ, lùn thấp hơn tôi nhiều, và lòng dạ chị lại khá sắt đá, nên tôi không hề gạ gẫm gì được cả.

Tôi biết rõ tính mẹ tôi có tiền chỉ để cho người khác tiêu dùng một cách phi phạm còn mình và con cái phải hết sức kham khổ. Có lẽ mẹ tôi cũng chẳng có cái áo nào ra hồn. Sau này lúc tôi bị ném ra ngoài đời tranh đấu cho cuộc sống của mình, tôi cố dành dụm ít tiền. Mỗi lần cuối năm, tôi mua gửi cho mẹ tôi mười cái áo gấm Thượng Hải. Tôi nghĩ rằng trong mười áo ấy, bà sẽ cho, tặng,

bán hay gì đi nữa nhiều lắm là chín cái thôi. Ít nhất cũng phải để lại một cái tự may cho mình. Và như thế là tôi thỏa mãn rồi. Ngày mẹ tôi bị bệnh trầm trọng tôi ở xa về cũng không quên mang theo mười áo gấm nữa tặng em tôi. Lúc mẹ tôi mất, tôi soát lại tủ áo để tìm đồ liệm theo thì thấy chẳng có một chiếc áo nào may bằng thứ gấm Thượng Hải của tôi đã gởi về biếu.

✱

Một người bạn trẻ nói nói tôi:

– Chị Hoa. cuộc đời chị thế là hết rồi! Không còn hy vọng gì nữa hết! Không còn tương lai gì nữa hết! Không còn mơ gì được nữa hết!

Hừ lão, đến thế thì thôi! Hẳn biết mẹ tôi mất rồi, tôi buồn lắm. Hẳn biết tôi về nước mà thất nghiệp thì chán thật. Hẳn biết kẻ rất yêu đời mà bị đời bạc đãi, hắt hủi thì cũng đáng thất vọng đấy!

Nhưng còn việc tôi “mơ gì” thì ai ngăn được tôi. Cũng như thuở nhỏ sống trong một gia đình như thế, tôi đã dám mơ một chiếc áo đẹp. Cho nên dẫu hoàn cảnh có thế nào đi nữa, tôi vẫn có quyền mơ. Hoa này vẫn mơ, cho dẫu là chỉ mơ áo.

MỘT TRUYỆN NGẮN HAY NHẤT

Sau bữa cơm tối, Quế dọn dẹp phòng mình thực nhanh. Từ hôm trời trở rét, nàng phải mang bao tay cao su để rửa bát, chùi nhà cũng như giặt dũ hay làm những công việc khác. Đó không phải là tính đài các rởm, nhưng trong mùa rét ai cũng làm thế để cho công việc nhanh chóng hơn. Nước lạnh buốt như nước đá mà phải thò tay không vào thì chắc áo quần suốt mùa đông không

bao giờ được giặt. Nguyên tắc của Quế là làm thật nhanh để chóng được nghỉ, nên chỉ trong nửa giờ là mọi việc đâu vào đấy cả.

Thấy gian phòng đã sạch sẽ thú tự lại như cũ, Quế rất bằng lòng. Quế nghĩ đến lời cô em luôn luôn nhắc: Này chị, không phải là “Ở bẩn sống lâu” đâu nhé. “Đói cho sạch, rách cho thơm” mới là văn hóa Việt Nam.

Ở cái thành phố Paris này mà ba chị em được mỗi người một phòng thì thực thần tiên, mặc dầu lầu sáu, nhưng lên 6 lần cầu thang thì có nghĩa lý gì đối với sinh viên. Quế thay quần áo ngủ xong, cho hai chân vào chăn, kéo chăn lên đến ngực, rồi ngồi dựa lưng vào tường. Ngoài chăn, Quế để cái khung nhôm, bên trên gác một tấm ván mỏng. Đó là bàn viết trên giường của cô em gái thương Quế,

tính sợ lạnh, nên nhường cho nàng dùng. Bên cạnh, Quế để sẵn một cốc nước thật đầy, đủ uống suốt đêm, trên đầu là ngọn đèn nhỏ có cái chao màu lá mạ, của một người bạn thân tặng. Ngọn đèn này đã theo nàng đi khắp nơi, và mỗi đêm, lúc Quế thao thức, thế nào cũng bật nó lên xem sách, hay có lúc chỉ nhìn sống ngọn đèn nghĩ ngợi chứ không làm gì cả. Bên cạnh giường là chiếc bàn con, từng trên để máy thu thanh, từng dưới đầy sách vở, giấy viết, máy chữ, Quế nằm trên giường, chỉ việc với tay là cái gì cũng có. Thì ra con người càng lười, cuộc sống tổ chức càng gọn gàng chu đáo.

Không còn thiếu thức gì nữa, Quế để tập giấy lên bàn và ngả đầu vào vách mơ mộng. Đã lâu, Quế có ý định viết truyện ngắn, nhưng có ý định là một việc, thực hành được lại là một việc khác, nhất là

muốn viết cho ra hồn, truyện phải thật, phải sống, phải có những cảm xúc chân thành. Quế không biết kiếm đâu ra truyện hay như thế, mà nhất là cái “cảm xúc chân thành”, nàng lại càng không biết làm sao có! Quế tự bảo:

– Hay là mình thử bịa xem, tưởng tượng một truyện “có thể được” và đặt tên là “Một truyện ngắn hay nhất”. Chỉ hay nhất với mình thôi thì đã làm sao chưa? Mình chỉ viết cho mình đọc. Đâu có ai biết mà sợ người ta cười. Nhưng dù sao, đã gọi là truyện ngắn hay nhất, thì phải tả cái gì đẹp nhất. Mà ở đời, còn gì đẹp hơn tình yêu nữa! Tất cả muôn loài, muôn vật, muốn sống, muốn sinh tồn, đều phải có tình yêu. Người ta đã yêu trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cũng còn phải yêu mãi mãi. Chỉ có tình yêu là bất diệt, bất hủ, không bao giờ lỗi

thời. Như thế, truyện ngắn hay nhất của Quế phải dành cho tình yêu mới được.

Định nguyên tắc rồi, Quế thấy như trút được một gánh nặng. Bây giờ chỉ còn tìm nhân vật, cố nhiên là một nam một nữ, vì có thể mới yêu nhau được chứ! Quế thấy hình như công việc đã xong một phần mười, nàng tự thưởng cho mình một cốc nước lã.

Cốc nước trong máy mới vặn ra, nên rét buốt cả răng. Quế mới uống lúc đầu rất khó chịu, mãi sau dần dần cũng quen với cái cảm giác tê tái lúc nước đi đến đầu biết đến đấy, không còn khó chịu nữa. Vừa uống nước Quế vừa nghĩ đến nhân vật trong truyện của mình. Nàng không muốn cho vào hạng cao sang quá, vì hạng này trong đầu óc chỉ có phú quý, công danh, và đàn bà đối với họ chỉ là một thứ xa xỉ phẩm họ đủ sức mua sắm,

trao đổi một cách dễ dàng; vì thế, rất hiếm có, hay hầu như không thể có chân tình. Quế nghĩ đến hạng bình dân, lao động, nhưng mặc dầu truyện về giới này rất hợp thời, Quế không dám viết bừa về họ. Những người dân lao động phải tranh đấu, vật lộn với cuộc sống vất vả, nên đời tình ái của họ cũng rất giản dị, bình thản. Aùì tình vớiø tất cả những biến chuyển, thấùc mắc của tâm hồn, đối với họ, là một thứ xa xỉ phẩm vô dụng. Quế không thể gán cho họ những ý tưởng họ không có.

Vậy “chàng” phải là một thanh niên trung lưu có học thức, có tâm hồn, có tư tưởng. Chàng cũng phải hơi đứng tuổi mới yêu được, nếu còn trẻ quá, thì sẽ chưa từng hiểu đời, chưa từng sống, chưa từng đắng cay, làm sao có thể đóng vai “chàng” trong truyện của Quế được.

Còn “nàng” nữa, nàng phải có giáo dục, thông minh và rất nhiều tình cảm, nhưng không được trẻ lắm. Có bao giờ một cô bé độ mười lăm, mười sáu tuổi, có thể làm cho người ta yêu đến nỗi sóng nổi gió trong tâm hồn được đâu! Tuổi dậy thì chỉ là tuổi của những mối tình ngây thơ, tình vợ vắn, tình vụn buổi ban đầu, tình “bản thảo” của cuộc đời tình ái trọng đại về sau. Chỉ những thiếu nữ đã từng đau khổ, đã hiểu rõ những đức tính dễ thương và dễ ghét của đàn ông, mới biết quý, biết chiều, biết trân trọng tình yêu, biết nắm giữ tâm hồn ai đó.

Nhưng, anh chàng ấy có đủ điều kiện như thế không thể để cho cô đơn đến gần ấy tuổi? Hơn nữa, câu chuyện đã được đem ra kể, ít nhất cũng phải có cái gì đặc biệt, chứ nếu yêu nhau, cưới nhau, rồi sinh con đàn cháu đống, lên chức bà

nội, ông cố, thì có gì đáng nói nữa. Tình yêu của hai người phải trắc trở mới được. Nhưng, thời buổi bây giờ, cha mẹ cũng như tôn giáo, pháp luật, đều không thể cấm được người ta yêu nhau, cưới nhau, rồi “bách niên giai lão” với nhau. Vậy chỉ còn cách là Quế cho anh ta đã có đệ nhất phu nhân ngồi chễm chệ giữ sổ chi tiêu rồi là hợp lý nhất.

Quế nhìn lên trần nhà, thấy một con thạch sùng đang rình mồi. Trong lúc mãi nhìn theo cuộc săn đuổi, Quế hồi hộp từng hồi khi thấy con mồi thoát được, bay đi nơi khác, nhưng nó không ngờ góc nào trên trần nhà cũng có những con thạch sùng đang kiếm mồi chờ sẵn. Quế nhìn theo cho đến khi tất cả đàn mồi đều dần dần vào bụng đám thạch sùng hết, nàng mới trở lại với câu chuyện tình ” lâm ly” của nàng.

Quế tưởng tượng “chàng” và “nàng” sẽ rất yêu nhau. Yêu một cách say mê đắm đuối, tưởng chừng như hai linh hồn đã chờ đợi nhau từ kiếp nào kiếp nào, mãi đến bây giờ mới được chạm trán. Quế sẽ cho họ nhìn nhau mà đôi mắt sẽ thay họ nói tất cả nhớ mong, chờ đợi. Quế sẽ cho họ cầm tay nhau và nghe hơi thở hòa lẫn như thông cảm đến tận tâm linh, và họ có cảm tưởng như một tư tưởng bé nhỏ nào, hay một cảm xúc rung động gì, cũng là của chung cả. Tóm lại, là họ phải yêu nhau đến cái nhiệt độ cao nhất của tình yêu có thể có được ở trên đời.

Nhưng, phần đông đàn ông, dù là Lưu, Nguyễn hay ai ai đi nữa, dù có lạc vào Thiên Thai, dù có sống với Tiên Nữ, dù có ở cảnh Tiên, bao giờ họ cũng vẫn nhớ đến cõi trần, dù cõi trần phàm tục, đầy những phiền não. Và kết quả, bao giờ

cũng chọn con đường trở về trần gian để ngày đêm mơ tưởng cảnh tiên. Vì dù sao, như thế cũng vẫn hợp lý hơn là ở non Tiên mà đêm ngày canh cánh nghĩ đến cảnh trần gian đầy mùi tục lụy thì kỳ quá, coi không được, mà kể lại nghe cũng chẳng thuận tai.

Để cho hai người phải xa nhau ngay, Quế cũng thấy hơi tiếc và cho là mình tàn ác quá. Tại sao trên đời có hai người yêu nhau đến thế, và quyền sanh sát ở trong tay Quế, mà Quế không “gia ân” cho họ được gần nhau, yêu nhau thêm một thời gian nữa? Tại sao trên đời có những đôi ghét nhau như quân thù, thì lại cứ phải ăn với nhau, ngủ với nhau, nhìn nhau hàng tháng, hàng năm, cùng chung một gối màø chỉ mơ những vì sao Cô Thần Quả Tú? Nhưng dù sao Quế cũng phải cho họ xa nhau, nếu không, câu chuyện

của nàng sẽ đi đến chỗ bế tắc.

Một khi chàng Lưu hay chàng Nguyễn đã động lòng nhớ phàm gian, thì “Tiên Nữ” dù có yêu đến đâu cũng không giữ làm gì. Nàng nhất định sẽ phải xa chàng, nhưng hai người sẽ xa nhau trong lúc còn yêu nhau, và yêu nồng nàn hơn lúc nào hết. Quế định thâm vì như thế để cho hai người cùng giữ mãi trong lòng cái kỷ niệm đẹp tuyệt vời của nhau, cùng được an ủi khi nghĩ rằng, trong đời, ít ra họ cũng đã gặp được một người xứng đáng cho họ yêu, họ đã từng yêu và được yêu đúng mức, họ sẽ không còn ân hận gì lúc buông xuôi hai tay.

Quế sẽ cho hai người từ giả nhau trong một đêm trời rất đẹp. Họ sẽ không ở nhà, vì nhà nhiều người lắm, làm sao nói chuyện được trong khi đôi mắt nàng lúc nào cũng chỉ rưng rưng rơi lệ. Họ

cũng không đi lang thang ngoài đường, vì đèn đường sáng một cách trơ trẽn và cũng không hợp với câu chuyện tâm tình. Quế sẽ cho hai người ngồi bên bờ sông nhìn trăng, nhìn sao một lúc lâu, cho họ nói tất cả những lời đáng nói, cần nói, cho đến lúc sương xuống lạnh, họ sẽ vào một tiệm khiêu vũ gần đấy. Họ không nhảy, nhưng chỉ ngồi trong ánh sáng êm dịu, nghe tiếng nhạc du dương. Họ không nói gì với nhau nữa, chỉ cầm tay nhau và mắt nhìn mắt, cùng thông cảm niềm đau khổ của chia ly đang ray rứt tâm hồn.

Quế bỗng thở dài vì thương nhân vật của mình quá. Nhưng nàng đã trót để họ ở vào cái thế cười hổ mất rồi! Muốn vớt vát bớt sự tàn ác của mình, Quế chỉ có thể cho hai người được ngồi cạnh nhau lâu thêm một chút, hay là để cho đầu nàng

gục vào ngực chàng, để cho những giọt nước mắt nóng thấm ướt vai áo chàng. Nhưng như thế cũng không được: Quế còn phải tả tâm tình chàng lúc ấy, bản tính nghịch ngợm, nhờ Quế lại hạ bút viết rằng: “Chàng thấy nàng gục đầu vào ngực mình, sợ nàng vô ý để son dính vào áo, về nhà sẽ không biết nói sao với vợ, nên hoảng hốt vội xô nàng ra . . .” Nếu Quế tả như thế thì chao ơi! Cái “Truyện ngắn hay nhất” của nàng chỉ còn có việc đem cho gà ăn mà thôi!

Quế định sẽ giữ cho đầu người nữ thực thẳng, không nghiêng một chút nào hết, để chàng được bình tĩnh, yên tâm, khỏi sợ son dính vào áo . . . nhưng như thế lại sợ nhạt nhẽo quá. Hai người yêu nhau điên luôn, mà lúc từ giả nhau một lần cuối để rời xa nhau mãi mãi, kẻ gục bả người chân trời, lại lạnh lẽo như

hai “đồng chí” lúc bàn giao công việc thế không được. Phải cho đậm đà hơn một chút, nếu không, người ngoại cuộc cũng thấy chướng mà phản đối và mất thiện cảm với chàng còn gì. Làm thế nào nhỉ? Quế không cho họ hôn nhau và cũng không muốn thấy họ lãnh đạm với nhau. Nàng không muốn họ có vẻ phàm tục thông thường quá. Tình yêu của hai người rất cao quý, nhất là trong giờ từ giã, niềm đau của chia ly phải dâng lên tràn ngập trong lòng, họ không có cái ý muốn rất người ấy nữa. Những cái hôn nồng cháy biểu lộ ao ước thân cận của thể xác, mà không thể làm giảm bớt chua xót của tâm hồn.

Trong lúc tưởng tượng, Quế như đặt mình vào chính cảnh thật và nàng thấy lòng mình cũng tràn ngập thương cảm. Trong một lúc mềm lòng, nàng định tìm

cách vớt vát cho nhân vật của mình bớt khổ, để cho họ thấy cuộc đời có nghĩa lý hơn, đáng sống hơn.

Quế đang đắm mình vào câu chuyện một cách say sưa cảm động, thì bỗng có tiếng cãi nhau ở dãy nhà đối diện. Quế nhìn sang, thấy vợ chồng ông Giáo đang đứng ngoài hiên cãi nhau. Thường thường, hai vợ chồng này bao giờ cãi nhau cũng vào nhà trong và không bao giờ to tiếng như hôm nay. Quế không cần lắng tai cũng nghe rõ, vì giọng bà Giáo the thé quát rất to, át cả những lời khuyên can của ông Giáo. Bà Giáo đang cầm một tấm nệm chà chân, rũ cả bụi xuống hiên từng từng dưới.

Ông Giáo bảo:

– Sao em không để lúc khác hãy giũ bụi. Giờ này là giờ người ta ngồi ở nhà,

em đập bụi như thế không phải.

Bà Giáo cười nhạt:

– À, bây giờ anh phản rồi phải không? Tầng dưới là nhà cô ấy, thảo nào mà anh bệnh nó. Này, tôi nói cho mà biết, đứa nào cướp chồng bà, bà xé xác nó ra.

Quế thở dài, nguồn văn của nàng thế là đành chết đứng. Theo nguyên tắc của Quế, hàng xóm cãi nhau, bao giờ nàng cũng đứng trung lập, nhưng vẫn phải làm “quan sát viên” xem tình hình và chú ý nghiên cứu thứ văn chương ứng khẩu này, để “tăng gia kiến thức”. Quế đành phải dẹp bỏ câu chuyện nàng đang xây dựng để theo dõi tình hình “mặt trận” hình như đã đến lúc căng thẳng.

Cô ở tầng dưới là Sâm, ngày thường vẫn hiền lành nhã nhặn, nhưng hôm nay

bỗng phát dữ như con chó dại. Cô cũng lên tiếng:

– Bà nói ai đấy? Muốn dạy chồng bà, thì đóng cửa lại mà dạy!

– Bà chửi con nào ngày ngày nhìn chồng bà, ra cũng nhìn, vào cũng nhìn!

– Đi giữa đường, cấm người ta nhìn à? Muốn giấu, sao không gói cho kỹ?

Ông Giáo can:

– Thôi em, lảng giềng với nhau cần phải giữ hòa khí. Em đừng ghen bóng ghen gió như thế, mang tiếng cả. Cô ấy cùng dạy một trường với anh, ra vào gặp nhau phải chào hỏi là sự thường và lễ phép bắt buộc. Em đừng nghi bậy.

Bà Giáo quát lên:

– À, bây giờ anh về hòa với nó để

mắng tôi đấy à? Bà không phải là đứa dễ bắt nạt đâu! Đứa nào dám động đến chồng bà, bà xé xác ra. Đồ đi thối!

Cô Sâm cũng to tiếng chẳng kém:

– Thế còn bà, đứng đắn lắm đấy hẳn? Chồng vừa ra khỏi cửa đã dắt trai vào nhà. Chồng đi bộ, để xe cho bà chở trai đi dạo, cả con đường này, cả thành phố này, làng trên xóm dưới còn có ai là người không biết! Bà quên thì tôi nhắc cho bà nhớ: nhân tình của bà cũng nhiều không kém gì rác bụi bà mới rũ xuống đâu! Có muốn nghe tên, tôi kể ra cho mà nghe?

Bài ca vọng cổ đang sắp đến đoạn lâm ly nhất, thì bà Giáo đã kéo ông Giáo vào nhà trong, đóng cửa đánh sầm một tiếng. Cô Sâm cũng vào nốt. Thế là hạ màn.

Quế chợt nhớ đến lúc thằng em trai sắp cưới vợ thì đạo luật gia đình ra đời. Trong một lúc “cảm khái”, hắn đã “cảm đề” luật ấy bằng một bài hát, theo điệu bài “Nếu một mai em sẽ qua đời” của Phạm Duy. Quế chỉ nhớ được một câu: “Nếu một mai anh có mọc sừng . . . thì vượt mà chơi”. Không thể nhịn cười được, Quế gục đầu xuống bàn, ôm ngực cười sằng sặc. Nàng cười đến đau quặn cả bụng khi nhớ đến cái giọng đau thương một cách khôi hài của thằng em.

Xong cơn cười, Quế lại thù người ra vì buồn. Quế nghe như có cái gì đâm nhói từng cơn trong tim nàng. Câu chuyện của Quế đã bị xuyên tạc một cách mỉa mai. Trong khi xây dựng nhân vật, Quế đã nghĩ đến ông bà Giáo, nàng đã mượn hình ảnh của hai người ấy. Nhưng bây giờ, sự thực trắng trợn đến như thế, còn

biện hộ làm sao được nữa! Quế định cho chàng dứt tình vì quý người vợ hiền đức. Sự thực trái lại, vợ chàng cái gì cũng thừa, chỉ thiếu có một điểm hiền đức. Còn chàng, con người như thế mà hơi kém hiền ngang! Chàng “nể vợ” đến nỗi không dám liếc nhìn cô Sâm một cái, nói gì đến chuyện dám yêu “nàng” một cách say đắm! Quế đã mượn hình ảnh Sâm để tạo ra “nàng”, nhưng Sâm cũng làm cho Quế thất vọng. Sâm không cao thượng, không hy sinh như Quế định gán cho nàng những đức tính ấy. Lúc Sâm thấy mình bị xúc phạm, nàng trả miếng bằng cách nói toạc ra những hành động ám muội của bà Giáo mà ai cũng biết, chỉ trừ ông Giáo.

Làm thế nào bây giờ? Không, Quế không thể ép buộc nhân vật của mình phải “lý tưởng hóa” một cách giả tạo.

Phải để cho họ sống thực và gần với sự thực mới được, dù sự thực có éo le hay ”kém mỹ thuật” đến thế nào đi nữa.

Quế lại bắt đầu nghĩ tiếp câu chuyện bỏ dở. À, phải rồi, hai người đang ngồi cạnh nhau rất âu yếm dưới ánh sáng êm dịu, nghe tiếng nhạc du dương. Thế rồi, bên ngoài một cặp nam nữ đi vào. Chàng tinh mắt nhận ra ngay đấy là vợ mình. Vợ đang đi với một thằng bạn. Hai người cặp tay nhau, cũng âu yếm không kém gì chàng và nàng. Họ tìm một chỗ ngồi trong bóng tối, họ nắm tay nhau, họ tựa đầu vào vai nhau. Âm nhạc nổi lên, họ bèn ra sàn nhảy, đôi chân quăn quít, đôi tay ghì chặt, má áp má một cách say sưa . . . Họ nhảy rất đẹp, rất điệu nghệ, rất xứng đôi. Họ lướt qua bàn chàng và nàng đang ngồi. . .Trời ơi! Thật tuyệt vời!

... Rồi tám mắt nhìn nhau, chẳng còn ai phải nghi ngờ ai điều gì nữa!

Quế nhắm mắt ngả đầu vào tường, không dám nghĩ thêm. Nàng thấy thần kinh căng thẳng, cả người mệt mỏi vô cùng. Mà nào nàng có làm việc gì nặng nề cho cam! Sau bữa cơm tối cho đến bây giờ, nàng chỉ nằm dài trên giường nghĩ vãn vơ, xem thạch sùng bắt mồi trên tường, nghe hàng xóm cãi nhau, lại còn thưởng thức từng câu một cách thú vị. Nhưng Quế đã mệt mỏi thực. Nàng đã chọn một việc làm quá sức mình. Đáng lẽ Quế nên đọc một vài trang sách rồi ngủ một giấc đến sáng cho khỏe thân, khỏe trí, nàng lại chọn cái việc làm khó khăn nhất.

Quế không dám nghĩ thêm nữa. Câu chuyện của nàng định viết và cho mang

cái tên “Một truyện ngắn hay nhất” sẽ không bao giờ viết thành. Quế làm sao tả nổi tâm tình chàng lúc “tám mắt nhìn nhau!” Người vợ mà chàng tin tưởng là hiền đức, người vợ chàng chiều quí như bà hoàng và để cho tự do như một người độc thân, người vợ chàng vẫn còn yêu vì nghĩa, vì tình, người vợ chàng không lúc nào kém yêu, ngay cả những lúc ngồi bên cạnh nàng, và một phần mười những lời chàng nói với nàng là lời ca tụng đức tính hiền đức của vợ. Những lời đồn đãi, chàng cũng có nghe nhưng không tin, cho là thiên hạ ganh ghét hạnh phúc của chàng nên bịa đặt để phá hoại. Có một lúc chàng đã tưởng mình là người sung sướng nhất đời, vì có hai người đàn bà nói với chàng: “Em yêu tất cả cái gì anh yêu” và “Em yêu cả vợ anh nữa, bởi vì anh yêu vợ anh!”. Chao ơi! Thật là mỉa mai làm sao! Bây giờ, cả hai

người ấy, một người ngồi bên cạnh, một người đứng trước mặt, đều như “nước chảy mây trôi” cả!

Quế làm sao diễn tả được cái cảm giác của một người đàn ông lúc thấy rõ ràng mình đã được ở cái cảnh “Nếu một mai . . .”.

Quế làm sao diễn tả nổi tâm tình của nàng lúc nhìn thấy vợ của người yêu. Trong khi nàng tự nghĩ không biết mình còn phải tu đến bao nhiêu kiếp nữa mới “được” chàng, thì kẻ có cái hạnh phúc ấy đã xem thường, xem khinh, đến nỗi chàng “Nếu một mai . . .”.

Quế làm sao diễn tả được tâm tình anh chàng ăn cắp vợ bạn bị bắt gặp: sượng sùng, bối rối, trơ trẽn, lưu manh . . .

Quế làm sao diễn tả nỗi tâm lý người đàn bà, yêu danh giá, địa vị, tiền bạc, giàu sang của chồng, và cũng yêu cả những anh chàng trai khỏe mạnh khác ngoài chồng ra! Quế làm sao diễn tả nỗi cái dáng điệu bẽn lẽn ngượng ngùng của người vợ lúc cắp tay tình nhân, vội vàng ra cửa. Cái bộ mặt vừa tức vừa lo. Tức vì thấy chồng đi với ai khác, và lo vỡ mất nồi gạo, lo nghĩ cách cắt nghĩa cho trôi để lừa người chồng vẫn dễ lừa xưa nay, lo nghĩ mưu “phản công”. Chao ơi, thật là ngổn ngang trăm mối! . . .

Không, nhất định là Quế không thể nào tả nổi đến mức ấy. Quế không tả được tất cả cái mâu nhiệm, bao la, hy sinh, cao quý của tình yêu đẹp để tưởng tượng, mà nàng cũng không tả được cái tình yêu ích kỷ, giả dối, nhỏ mọn, bản tiện của sự thực. Quế đành phải nhìn nhận là ngòi

bút non nớt chưa chiều được ý muốn của mình. Quế tự bảo:

– Hay là mình viết một truyện ngắn hay nhì vậy?

Quế mỉm cười vì thấy cái tên ngộ nghĩnh. Nhưng đã thế thì đề tài cũng phải thay đổi hẳn mới được. Ủ, thiếu gì chuyện đáng viết, mà phải viết những cái chuyện tình nhảm nhí ấy.

Quế nghĩ đến những cảnh thiên nhiên nàng đã trải qua, nghĩ đến đèo núi chập chùng, trời bể bao la, Đèo Hải Vân hùng tráng, Vạn Lý Trường Thành vĩ đại, Kim Tự Tháp uy nghi . . . Nhưng một lần nữa, Quế lại thất vọng. Quế thấy mình không thể diễn tả được cái mâu nhiệm của vũ trụ, uy nghi của núi sông, hùng tráng bao la của trời bể. Quế không tả

được những cảm xúc đang dào dạt ngay chính trong lòng nàng.

Quế tự cười thầm mình: “ngay chính cảm giác của mình cũng không tả được, còn đòi tả cảm giác của người khác, thật là điên cuồng!” Nhưng có lẽ nào lại hạ xuống một lần nữa, thành “Một truyện ngắn hay ba”? Tên nghe không thuận tai, mà ba cũng có nghĩa là hạng bét nữa. Nếu Quế phải đem hết tâm trí ra, chỉ để viết một truyện ngắn hay hạng bét, thì cũng nên quăng bút về vườn trồng rau, nuôi gà xin hai chữ bình an!

Quế hết nhìn giấy lại nhìn bút. Nàng phải viết, vì theo Quế, đã định viết mà trốn chạy là có lỗi với giấy với bút. Nhưng, chỉ mới viết được mấy dòng, Quế đã mệt mỏi quá gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Lúc Quế tỉnh dậy, trời đã gần sáng. Ngọn đèn đêm vẫn còn soi màu lục non êm dịu trên đầu giường. Cái bàn nhôm nhẹ vẫn còn kê ngang trên mình. Quế nhìn trang giấy trắng tinh trên bàn, ngoài đầu đề “Một truyện ngắn hay nhất”, chỉ có mấy dòng: “Nếu em chết trước, em sẽ phù hộ anh”. Thì ra, Quế đã viết câu Quế định cho “nàng” nói với “chàng” lúc hai người từ giã nhau.

ĐÔNG SƯƠNG KÝ

Bốn người đàn bà ngồi tỉ tay bên cửa sổ nhìn nhau, tuy chẳng có gì đáng nhìn cả. Họ không ghét nhau mà nhìn với ánh mắt hần học, cũng không có nhiều cảm tình để nhìn trù mến, âu yếm như muốn ghi nhận lấy hình ảnh thân yêu. Họ nhìn nhau lơ đãng đứng đưng, nhìn mà không thấy. Bốn người đàn bà độc thân thuê bốn căn gác đối diện này lặng lẽ sống như những bóng ma. Ngõ hẻm đưa vào đến đây là bế tắc.

Giữa sân đủ rộng để xe có thể quay đầu ra dễ dàng. Mỗi cô có một số bạn đếm được trên đầu ngón tay và ít đi chơi đầu, nên nhìn cánh cửa sổ đóng mở thất thường, cũng khó biết họ có nhà hay đi vắng. Vân ở căn gác số 1, Trân căn số 3, Lài căn số 2, và Lý số 4.

Chiều ba mươi , ai cũng lo sửa soạn ăn Tết, lo tô điểm trang hoàng nhà cửa hay săn sóc con cái và chuẩn bị đón ông bà. Các cô ngồi tì tay bên cửa, mơ mộng những thứ mọi người có mà các cô không có. Họ tránh bước sang nhà nhau, chỉ muốn đứng xa xa “chiêm ngưỡng dung nhan” một cách thoải mái. Còn gì khó chịu hơn phải nhìn thấy từng vết nhăn sắp thành hình của người bạn gái cùng trang lứa. Nhìn họ giống như soi gương: trên mặt mình cũng đang có những đường nét mơ hồ sắp thành hình sâu đậm như

thế. Còn nói chuyện với nhau thì chán lắm. Trời không nắng không mưa, không nóng cũng không lạnh. Chuyện thế giới, họ không thiết tha. Nói một lúc, động đến chuyện lòng thêm phiền, vì không có gì để mà “Tốt khoe ra . . .” cả. Ai cũng muốn giấu cái vẻ mùa thu của cuộc đời . Họ nhìn nhau xa xa, thấy màu sắc và dáng điệu vẫn còn phong độ, thì yên tâm hơn một chút. Nhưng cuộc sống như thế, cuối năm tính sổ, vẫn không hề hiện ra một điểm son nào. Nhìn đâu cũng vẫn thấy trống rỗng vô nghĩa, và mọi vật đều như thiếu linh hồn.

Nhà cô nào cũng có bánh mứt, hoa quả, nhưng những thức ấy cũng không thể tạo cho họ cái Tết. Hay có chăng, chỉ để dối mình. Cái mùi vị Tết ở ngoài không thấm nhuần đến bề sâu làm họ băng khuâng. Họ gặp mặt nhau, khẽ

nhếch một nụ cười xã giao rất gượng, rồi lại nhìn lên trời. Cái sân xe đúc xi măng không có một gốc cây để vươn cành lá lên không trung, thì bên dưới làm gì có bóng mát. Trời chỉ là một mảnh con con lọt vào giữa sân xe, và mây không hề lảng vảng đến gần khung trời này. Họ đành lại phải nhìn ngay mặt nhau. Vân thấy cô Lại, nhà đối diện số 2 hôm nay hình như già thêm một chút. Nàng nghĩ thầm:

– Quái lạ, không lẽ biên giới của năm này sang năm kia đúng là chiều ba mươi sao chú! Không lẽ người ta chuẩn bị để sau giao thừa là già một cái rụp? Khổ đến thế thì thôi!

Nàng chú ý nhìn Lại, thấy già cô dừng buộc tóc đuôi ngựa theo kiểu bé con kia, trông còn thuận mắt hơn. Thân hình Lại thon nhỏ nhưng nhiều xương ít thịt. Cô làm ra vẻ ngây thơ nhí nhảnh

như mới mười hai. Lối ăn mặc của cô giống bọn trẻ lên mười Âu Mỹ, nhưng trong ánh mắt cô, người ta đọc thấy cái mơ mộng bâng khuâng của cô gái hai mươi. Nếu muốn biết tuổi thật của cô, có lẽ phải cộng tất cả những thứ ấy lại thì vừa đúng.

Lài sống một mình với con chó bông Nhật Bản nhỏ lông ngắn. Đi chơi đâu nàng cũng bế nó đi theo. Vân không biết Lài làm gì, vì không thấy cô bận rộn hay quan tâm đến việc gì hết. Mỗi ngày, cô gửi tiền nhờ chị Tư bếp của cô Trần mua giùm thức ăn. Cô tự nấu lấy xong cùng ăn với con chó. Thấy một cỗ, tứ một cỗ. Hai bóng đen in lên tường mỗi tối, như một bức tranh linh động và cũng không bao giờ thay đổi. Có lúc Vân tò mò muốn biết Lài làm gì để sống nhưng không dám

hỏi. Nàng sợ phiền lòng cô bạn gái ở bên Mái Tây.

Nhưng tình cờ Vân bỗng tìm ra sự thực. Hôm ấy, nàng ngồi bên cửa sổ ngắm “cảnh” và đang buồn vì không có gì để ngắm. Hai cửa sổ nhà Mái Tây vẫn đóng im ỉm. Cô Lý đi vắng từ trưa chưa về. Lài, chắc cũng không có nhà. Vân lơ đãng nhìn vào khoảng không. Ai trông thấy vẻ mặt Vân lúc đó chắc tưởng Vân suy nghĩ chuyện gì quan trọng lắm, kỳ thực đầu óc nàng trống rỗng, lâng lâng như đã xuất hồn chu du một non Tiên nào.

Vân đang mơ màng, bỗng thấy một người đàn ông từ trên cầu thang chung của Lài và Lý bước xuống. Người ông ta trông rất bệ vệ, mồm ngậm một điếu xì gà to tướng, mặt mày có vẻ phè phỡn.

Ông lên chiếc xe màu nâu và lái ra khỏi sân. Chiếc xe nâu ấy, cách vài hôm lại ghé đây một lần. Thì ra cô bạn Mái Tây là món “quốc cấm” của chủ nhân chiếc xe nâu.

Cửa sổ nhà cô Lài hé mở, cô nhìn xuống đường định mở rộng, nhưng chợt thấy Vân đang nhìn sang, cô vội khép lại.

Vân tự bảo thầm:

– À, người ta lắm lúc chỉ nên “thông cảm” mà thôi! Hiểu nhau vừa vừa là đủ rồi, một vài bí mật cần phải được tôn trọng.

Chiều hôm nay, ba mươi Tết, chiếc xe nâu ấy cũng đã đến một lúc. Bức rèm trúc buông xuống cửa sổ, rung rinh theo làn gió nhẹ. nhưng nó được vén lên rất chóng vì chủ nhân chiếc xe nâu đã phải

vội vàng ra đi. Bộ mặt ông vẫn giữ vẻ phè phỡn, môi vẫn dính chặt điệu xì gà như thường lệ.

Vân đoán chắc Người phải về vội, vì sợ “Sư tử” rống. Người còn bao nhiêu là công việc phải làm ở nhà. Nào là tiếp khách, trang hoàng nhà cửa, hay đi phố mua sắm vào giờ phút cuối cùng. Người có thể quên hết những gì đã xảy ra ở cái ngõ hẻm này, không nhớ đến cô Lài bên cửa sổ bịn rịn nhìn theo . . . , mà Người cũng có thể làm tất cả những công việc nhà, nhưng tâm hồn để cả nơi đây. Tội nghiệp cô Lài, tối nay lại cũng như mọi tối, chỉ có con chó Nhật cúng giao thừa và ăn Tết với cô thôi.

Bên cạnh gác cô Lài là giang sơn của cô Lý. Cô đóng cửa ban ngày để ngủ và đi chơi, đóng cửa ban đêm để đi làm. Vì thế, nếu người nào đến tìm cô cũng chỉ

tần ngần trước cửa một lúc, mân mê cái khóa cửa, nhìn quanh nhìn quẩn rồi ra về. Cô Lý là ca sĩ. Ban đầu cô hát với tất cả đam mê, lòng cô rung cảm say sưa với tình ý của bài hát. Nhưng lần lần, cô thấy không thể khá được bèn theo làn sóng mới, đổi lối hát cho thích hợp. Từ đó, cô nổi tiếng mau chóng, lợi tức cao hơn; tuy cô chỉ nhún nhảy, hò hét nhiều hơn hát. Lắm lúc chính cô cũng không biết là mình đang làm trò gì, bài không thuộc cô cứ cầm đại tờ giấy lên máy vi âm. Thính giả không cần cô phải diễn xuất, phải trình bày với tất cả tâm hồn, thì cần gì phải thuộc cơ chứ! Cô thấy ưỡn ẹo nhiều được nhiều tiền hơn, đỡ vất vả hơn, nhưng tâm hồn cũng trống rỗng hơn bao giờ hết!

Liên bên cạnh Vân là gác cô Trân, số 3. Cô này trẻ tuổi và xinh đẹp nhất.

Nhà cô, ngoài con chó bông Nhật ra, còn có một chị bếp. Trước kia, cô là một vũ nữ danh tiếng, bạn bè rất đông. Nhưng từ ngày ông chủ một hãng tàu đem cô về đây “kim ốc tàng kiều”, cô chịu sống cô đơn một cách rất ngoan ngoãn. Có lẽ con gái nhà lành nào cũng không ngoan bằng. Mỗi sáng cô dậy tập hát và học thêm tiếng Anh một mình. Trưa, cơm nước xong, cô ngủ cho đến chiều, thức dậy tắm, trang điểm xong thì chiếc xe màu da trời đến. Chủ nhân cao lớn, to béo, từ trên xe bước xuống, đóng cửa xe đánh sầm một tiếng, tay nắm xâu chìa khóa, lắc kêu reng reng, bước lên cầu thang. Hai phút sau, chị bếp cầm cái bát ra cửa, con chó Nhật leo đẹo theo sau. Chị Tư đi mua phở đem về nhà để lên bàn ăn, xong chị lại dẫn con chó ra đi: người ngẩng mặt nhìn trời, chó cúi đầu xuống đất tìm một mùi hơi quen thuộc.

Một giờ sau, Trân ra đứng tựa cửa sổ, lấy mắt tiễn chiếc xe màu xanh da trời ra khỏi sân.

Vân đoán: chắc anh chàng này giấu cô bé ở đây, mỗi ngày ở sở ra sớm nửa giờ, về nhà “báo danh” muộn nửa giờ. Hai phương diện công tư đều không có gì trở ngại. Thế là anh chàng lợi được một giờ để đến đây thăm Trân, ăn một tô phở, hàn huyên mấy câu, trong khi mắt lăm lét nhìn đồng hồ. Lỡ hôm nào “câu chuyện” dài dòng một tí trễ giờ là anh chàng hốt hoảng chạy ra xe nhấn hết ga, phi một mạch về nhà “trình diện”.

Chị Tư đi dạo xong, dắt chó về thì trời cũng vừa tối. CƠM nước xong, nếu buồn, Trân đem cả chị Tư đi xem xi nê, nhốt con chó trong phòng khóa cửa lại, mặc nó cào cửa tru tréo.

Trong đêm ba mươi Tết, hình như người ta dễ biến thành những kẻ mộng du. Bốn cô gái ngồi đối diện mà vẫn như không thấy nhau. Họ đang suy nghĩ gì nhiều, hay trí óc đã phiêu diêu nhập thiền.

Có tiếng người cười nói dưới sân, bốn cô cùng giật mình nhìn xuống, mong đấy là bạn mình, nhưng chỉ là bọn người nào đó đi lầm nhà, nhìn ngóng một lúc rồi trở ra ngay.

Cô Lý đã ăn mặc chỉnh tề đóng cửa đi làm. Còn lại Vân, Lài và Trân, lúc này cùng cúi xuống sân như muốn tìm một vết chân, hay đợi một kỳ tích hiện ra.

Trời đã hơi tối, ai cũng quay vào nhà lên đèn. Vân vặn bóng đèn nhỏ màu xanh nhạt cho căn phòng có vẻ huyền ảo, mở tập bài luận ra chấm. Sinh viên

bất cứ tuổi nào cũng đúng với câu ví: “Nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò”. Toàn là các em nhỏ choai choai mà làm bài như phỏng vấn cô giáo. Bọn trẻ lắm lúc có những ý tưởng kỳ lạ, vài em sẵn sóc hỏi thăm cô “. . . Đã có chồng chưa được mấy con?”. Ngay cả các bạn đồng nghiệp cũng có lắm người muốn vạch lá tìm sâu . . . , chuyện càng riêng tư, người ta càng muốn moi móc đem lên bàn mổ.

Đời sống “ngoại cảnh” của Vân thanh bạch không có gì bí ẩn. Vân là một cô giáo mới ở trong cái ngõ hẻm chỉ có 4 căn gác có 4 phụ nữ thuê này. Gần đây một số bạn bè muốn mở nhà giữ trẻ, rủ Vân chung vốn, chung sức. Chỉ làm việc mà không phải chấm bài. Nghe thực hấp dẫn dễ xiêu lòng lắm..

Đây là “ngoại cảnh”, còn phần “nội tâm” thì sao? Giả vờ mơ hồ nhưng thực

ra Vân biết rõ ai đã làm cho Vân hoang mang! Cái hình ảnh ấy đến lần đầu, tràn ngập trong tim nàng, rồi xây dựng ” thủ đô” ngay tại đấy, không chịu dời đi đâu nữa. Con người ấy, phong độ, học vấn, tư tưởng, dáng người, cách ăn nói, tất cả đều đúng điệu. Phần chàng cũng thế. Chàng biết chắc chắn Vân là người mình ao ước. Chàng tìm lại được mình thời trẻ trung, ngạc nhiên thấy có thể yêu say sưa mơ mộng như mối tình đầu của thuở ban đầu. Rõ ràng họ đã hẹn nhau từ kiếp trước. Chỉ không may là Nguyệt lão ngồi làm việc dưới trăng mà không có cà phê, mệt mỏi quá nên đã xe nhầm tơ! Tình chàng dù có thắm thiết đến thế nào, “minh châu” của người yêu cũng đến “Hệ tại Hồng la nhu” là cùng! Họ dừng lại ở một “vĩ tuyến” và lặng lẽ nhìn nhau. Chàng nghĩ:

– Mình không nên “vượt tuyến” xâm lấn vào cuộc đời nàng. Mình có đem lại được cho nàng chút hào quang nào đâu! Đời mình như tem đã đóng dấu, không xài được nữa, may còn trái tim, nhưng chỉ có trái tim như thế đủ không? Đi đến đâu, mà để làm gì? Mình sẽ mỗi ngày đến ăn một “tô phở 5 giờ” như ông nhân tình cô láng giềng của nàng, rồi về nhà chẳng? Nếu quả thực như thế thì .. Chao ơi! . địa ngục là đây chứ còn phải tìm đâu xa. . .

– Tình yêu của nàng phải được sưởi ấm dưới ánh mặt trời, không thể nào âm thầm như thế. Nàng đáng được sung sướng hãnh diện đi bên cạnh người đàn ông của mình! Không, không thể được! Chàng không thể đem hạnh phúc đến cho ai cả. Đạp đổ hết lắm khi chỉ làm bận tiện con người! Nhưng ... biết tìm

đâu ra “chước thứ 37”?

Còn Vân, nàng cũng nghĩ thầm:

– Người ta có bốn phận rồi, rắc rối vô ích. Dù yêu nhau đến thế nào đi nữa, cũng chỉ để lụy cho nhau mà thôi. Gây ra gánh nặng mà không ai gánh nổi cả, thì tốt hơn nên de ra. Vã lại, xâm phạm đến “sở hữu” của người khác là một việc không tốt. Phạm tội thất đức. Chết xuống địa ngục A Tỳ.

– Nhưng ơ hay! Vân định sống lơ mơ trên đường đời như người say rượu không tìm thấy lối về như thế này suốt đời sao à? Có một căn nhà ấm cúng quá, nhưng của người khác! Chỉ có kẻ hành khất, trộm đạo, mới bồi hồi trước ngõ nhà người ta. Người say rượu nghĩ thế, nên dù khát, cũng không dừng lại xin một hớp nước.

Bây giờ Vân mới thấy sợ cô đơn. Vân tưởng tượng, nếu yêu nhau, lúc chàng ra về, Vân sẽ thấy trống trải sầu tủi đến như thế nào. Aáy là chàng không hề ăn “tô phở 5 giờ” , nếu không, còn ai oán cho người đứng bên cửa sổ nhìn theo nhiều hơn nữa!

Vân bất giác thấy thèm một tiếng động, một giọng nói. Ủ, nếu không ngọt ngào âu yếm thì cứ hát lên bài Con cà Con kê gì cũng được . Ít nhất cũng làm cho gian phòng vắng lạnh, không gian và tâm hồn có một âm thanh xao động.

Nhưng sự thực chỉ có một mình Vân hay mấy cô láng giềng của nàng cần xao động thôi. Còn ngoài ra, thiên hạ ai cũng thích bình yên, êm đềm, xin hai chữ bình an. Vậy hãy cứ để cho họ yên. Vân chợt nghĩ ra như thế... và trong chốc lát, nàng quyết định rời bỏ căn gác Mái Đông, rời

bỏ cái hẻm nhỏ và vùng Trời không mây này.

Pháo giao thừa bắt đầu nổ vài nơi xa xa vang lại. Vân đứng dậy nhìn sang. Hai cô láng giềng cũng đã ngồi bên cửa sổ từ lúc nào. Họ đang mơ một tiếng giầy hay một tiếng chìa khóa đụng nhau leng keng, mắt họ nhìn vào khoảng không, thất thần.

Vân nghĩ đến mai đây, khi nàng dọn đi rồi, không biết một tâm hồn như thế nào sẽ đến ẩn dưới cửa sổ Mái Đông này!

Vân bỏ căn phòng để trốn chạy ai đó mà nàng cảm thấy hình như mình đã mong chờ, mơ ước suốt nửa đời người.

Sự thật, Vân đã quá lo xa. Nàng không cần phải bỏ đi đâu, trốn chạy ai hết. Đêm giao thừa, mọi người đều say sưa trong

khói hương trầm ấm cúng đoàn tụ. Dù họ có “ăn phở” giờ nào, đâu đâu đi nữa, phút giây thiêng liêng ấy, lá rụng về cội, họ vẫn là người của gia đình. Vân không hề làm khổ ai, nàng chỉ u mê tự làm khổ mình.

NGÀY GIỖ MẸ

Nordlingen ngày...

Cháu thân mến,

Từ hôm cháu về thăm đến nay, chú cứ nghĩ về cháu mãi. Chú biết cháu thích tự do và vẫn còn giận mẹ cháu lắm, nên không chịu về nhà. Nhưng dù sao, chú cũng xin cháu nghĩ lại. Chuyện cũ qua đã lâu rồi. Vợ cháu đã bỏ cháu, nhưng mẹ cháu hãy còn sống, ngày đêm trông mong cháu. Dòng họ nhà ta hiện nay chỉ

còn một mình cháu Xưởng làm đàn nổi tiếng nhất nước Đức của chúng ta, từ ngày chú Hai mất đi, vẫn đóng cửa cho d! ến nay Nếu cháu không về trông nom, thì sự nghiệp đã bốn đời danh tiếng của dòng họ ta sẽ tiêu tan mất cả.

Xin cháu hãy suy nghĩ kỹ trước khi trả lời

Rất mong tin cháu.

CHÚ BA

Vẹt đọc đi đọc lại bức thư của chú hấn đến hàng chục lần. Hấn không biết giải quyết cách nào Nhánh dòng họ Drexel nhà hấn chỉ còn có một mình hấn là tên tráng đinh độc nhất: hấn có bốn phận phải cưới vợ, sinh con, trông nom xưởng làm đàn của cha hấn, nhưng cuộc sống danh giá và bó buộc theo nền nếp ở

quê hương làm hấn thấy ngại ngùng.

Hấn còn nhớ thuở bé, mỗi lần theo ông hấn ra quán cà phê, gặp người trong làng bao giờ họ cũng ngả mũ kính cẩn chào ông hấn và hỏi:

– Cậu bé năm nay lên mấy?

Ông hấn cất ống điếu đang ngậm, đằng hắng lấy giọng, hát hàm hỏi hấn:

– Kìa cháu, bác ấy hỏi cháu lên mấy?

Hấn ưỡn ngực trả lời rất kiêu hãnh:

– Cháu lên năm.

Ông hấn nhắc lại rất vênh vang:

– Ông nghe rõ chưa? Cháu tôi năm nay lên năm, và vẫn còn độc thân!

Mỗi lúc nghe ông nói thế là hấn thấy tức giận và xấu hổ vô cùng.

Hắn giận ông hẳn lúc nào cũng đem cái sự “còn độc thân” của hắn nói tung ra cho thiên hạ biết. Thật nhục nhã!

Nhưng đến bây giờ, trái lại, đã hơn ba mươi tuổi rồi, hắn rất hãnh diện vì vẫn còn được độc thân.

Quãng đời thơ ấu của hắn rất đen tối. Hắn mồ côi cha lúc mới ba tuổi, mẹ hắn một mình nuôi hắn. Cuộc sống cô đơn của một người đàn bà góa bao giờ cũng tràn đầy khó khăn, và mỗi khi gặp một chuyện bất bình gì là mẹ hắn trút tất cả những nỗi đau khổ bực tức lên đầu đứa con mồ côi. Hắn không quên được những trận đòn chí tử bằng cán chổi mây to bằng bắp tay Mẹ hắn đánh hắn chỉ vì hắn nghịch một phần, mà vì tức giận chuyện khác nhiều hơn. Thỉnh thoảng, hắn phàn nàn với mấy thằng bạn:

– Tao không biết tao có phải là con của cha mẹ tao không. Có khi tao tưởng tao là con của mẹ ăn mày hay của ông quét đường, đổ rác nào đó, mà mẹ tao đã xin về nuôi!

Năm 17 tuổi, hấn bỏ nhà, bỏ trường đi Pháp. Hấn học nghề giới thiệu những món hàng buôn sỉ và sống bấp bênh với nghề đó cho đến bây giờ. Sáu năm trước, hấn cưới vợ Á Đông. Năm thứ nhất, hai người rất hạnh phúc. Năm thứ hai, bắt đầu chịu đựng. Năm thứ ba, vợ hấn khinh ghét hấn, và hai người, không biết vô tình hay cố ý, đều như cố tình hành hạ nhau. Năm thứ tư, gia đình thành ra địa ngục trần gian, nếu không xa nhau thì cả hai sẽ điên luôn.

Thực ra hấn rất yêu vợ, nói là mê vợ thì đúng hơn. Những ngày tháng đầu, lúc mới xa nhau, hấn đau khổ đến nỗi lúc

nào cũng có thể khóc được. Nhưng dần dần, hấn làm cho tình yêu biến thành lòng căm hờn. Từ đấy, hấn oán giận vợ cũng như oán giận mẹ, nên hấn thấy đời không còn gì vui nữa.

Cuộc sống của hấn rất khô khan. Ngày càng hấn càng cố tỏ cho mọi người biết hấn là người tâm hồn cứng rắn, chai đá. Hấn muốn bạn hấn biết tình cảm trong lòng hấn đã chết hấn rồi. Đời hấn chỉ còn một con khỉ hấn mua sau ngày vợ bỏ là nguồn vui, nguồn sống độc nhất mà thôi.

Tháng trước, hấn về thăm làng cũ, gặp chú hấn, rồi lại về Paris. Hấn không muốn xa Paris, vì đó là đất dung dưỡng nghệ sĩ. Tuy hấn không phải là nghệ sĩ, nhưng tự nhận có tâm hồn nghệ sĩ. Hấn thích sống nghèo nhưng tự do, hơn là về quê làm ông chủ xưởng sản xuất đàn,

giàu có nhưng bị bó buộc.

Tuổi trẻ là tuổi bất cần đời đã qua. Bây giờ hẳn thấy có lẽ cái xưởng làm đàn cũng khá quan trọng, cần phải giải quyết một cách đúng đắn. Hẳn nghĩ rằng nếu không ghét mẹ, thì trở về cũng được. Nhưng vấn đề là làm sao có thể gột rửa lòng căm hờn từ thuở bé, cái oán giận mà hẳn và vợ hẳn mỗi ngày mỗi bồi dưỡng thêm lên, đến mọc rễ trong lòng hẳn rồi.

Hẳn có mỗi một con khỉ là thân nhất, thì lại chỉ chuyện trò một chiều, không thể trao đổi ý kiến với khỉ được. Bỗng hẳn chợt nhớ đến mấy người bạn Việt Nam. Hẳn nghĩ phải tìm gặp mấy người này may ra ... bọn họ thường thường có những ý tưởng rất động trời, mà không phải là không có lý. Nhân tiện, hẳn cũng sẽ hỏi xem họ có biết ở đâu tiêu thụ cho hẳn được một số bát đĩa vừa mới nhận

được không. Hấn vội vàng mặc áo đi ngay để tránh giờ ăn.

Vệt gõ cửa phòng Minh. Hấn rất ngạc nhiên thấy người ra mở cửa là một thanh niên Pháp. Hấn tự giới thiệu:

– Tôi là Vệt, đến hỏi thăm cô Minh có tí việc.

– Còn tôi là Đinh Văn Bi. Mời anh vào.

– Các cô ấy đâu?

– Suyt, nói khẽ chứ. Ở cả bên phòng cậu em. Họ đang cúng. Hôm nay là ngày giỗ bà mẹ.

Vệt nhún vai, bĩu môi:

– Hừ, mẹ chết rồi, còn khéo lôi thôi! Cúng với kính gì. Mẹ tôi còn sống sờ sờ ra đấy, tôi còn chả thèm thăm.

Bi phản đối:

– Mỗi người một tính, mỗi nước mỗi phong tục chứ! Tôi học tiếng Việt với cô Minh, biết được nhiều phong tục lắm và tôi cho là những phong tục ấy rất đáng kính trọng.

– Anh học tiếng Việt mấy tháng rồi? Học được những gì? Học để làm gì?

– Tôi quen cô Minh đã lâu, nhưng mới có ý định học cách đây mấy tháng. Học để hiểu một dân tộc. Tôi dám cam đoan hai năm nữa tôi sẽ đọc truyện Kiều vanh vách. Tên tôi cũng do các cô ấy đặt. Lấy họ Đinh, theo dòng dõi Đinh Tiên Hoàng. Bi là bia, hay là từ bi.

– Còn tôi, vợ tôi bảo tôi hay nói bá xàm bá láp, tán giời mà không có lòng thành, tính lại hay cau có gắt gỏng, độc

tài, đủ nét xấu, nên đặt cho tôi tên Vệt. Cô ấy là Bà Chằng mà tôi chiều chuộng như Bà Chúa. Tôi hỏi thực anh nhé. Anh có yêu cô ấy không?

– Hiện tại tôi chỉ thấy quý mến, nhưng có lẽ tình yêu còn ở trong tiềm thức, chưa lộ ra đấy thôi. Tôi cũng hơi sợ, vì các bạn tôi nói đàn bà Á Đông có một sức quyết rũ rất huyền bí. Đàn ông Âu châu mắc vào là tâm hồn bị phong tỏa ngay

Vệt xua tay:

– Tôi khuyên anh chớ có dại xông vào mà chết! Tôi là người đã từng kinh nghiệm. Thuốc độc đấy chứ không phải vừa đâu. Trông họ hiền lành, dịu dàng, ngọt ngào, chiều chuộng thế nhưng rất nguy hiểm, vì một khi mình yêu họ rồi thì mình sẽ không thể nào yêu một người

đàn bà Âu Châu nào nữa!

Bi bỗng ra dấu cho Vệt im lặng. Hai người lắng tai nghe, hình như có tiếng nấc ở phòng bên đưa sang. Vệt rón rén đến bên cạnh màn nhìn trộm. Hẳn thấy trong phòng không bật đèn, chỉ có ánh sáng của ngọn nến và ba cây hương đang cháy trên cái bàn thờ nhỏ đóng vào vách. Cậu em trai ngồi cạnh bàn thờ, hai tay ôm đầu như đang suy nghĩ. Hai cô chị, tóc xõa dài trên vai, mỗi người gục đầu vào một phía vách. Có lẽ họ đang khóc, vì vai cứ rung lên từng hồi theo tiếng nấc đã cố nén rất nhỏ.

Vệt tưởng như đấy là những cô bé bị phạt phải đứng quay mặt vào tường, và các cô bé vừa khóc vừa oán giận, như hẳn lúc còn bé. Nhưng sự thực trái lại, các cô đang buồn khóc mẹ. Hẳn không tin là trên đời lại có thể có những người

con thương yêu mẹ đến như thế. Biết đâu các cô chả khóc vì một lý do nào khác, khóc cho chính mình! Chẳng hạn như khóc đời đen bạc, khóc lòng người tráo trở, khóc tình duyên ngang trái, khóc buôn thua bán lỗ hay khóc nước non. . . khóc dân tộc. . . Ôi trời, còn bao nhiêu là chuyện đáng khóc!

Hắn nhún vai, lại đến ngồi cạnh Bi, lấy thuốc lá ra hút.

– Các cô ấy có một tình thương yêu nhau mãnh liệt lắm. Và cũng chính vì điểm ấy mà tôi quý mến họ.

Vệt nói giọng nghi ngờ:

– Tôi chỉ ngạc nhiên là tại sao trên đời lại có người thương mẹ đến như thế. Tôi ghét mẹ tôi lắm! Lúc bé, mẹ tôi đánh đập tội Lớn lên, tôi cưới vợ, mẹ tôi

không nhìn, nhắ bảo tôi rằng nếu cưới một người đàn bà ngoại quốc thì không được bước chân vào nhà bà. Vì thế, tôi đã thề rằng suốt đời tôi sẽ không gặp mẹ tôi nữa!

- Bà cụ còn sống không?
- Còn, và vẫn mạnh khỏe.
- Thế chị ấy đâu?

Vệt nhún vai, không trả lời Hấn lại đến cạnh màn nhìn trộm. Trong phòng, vẫn cảnh tượng lúc nãy, chỉ thấy cây nến và mấy nén hương ngấn hơn. Nhưng giờ phút này hấn không còn ngạo nghễ nhạo báng như lúc đầu Nỗi uất hận trong lòng dịu bớt, và hình như hấn cũng muốn khóc. Vệt lại châm thuốc! lá hút để đè nén những cảm xúc hấn cho là mềm yếu như đàn bà. Mặc dầu cố gắng xua đuổi

hết sức, mà mắt hấn nhìn đâu cũng chỉ thấy hình ảnh hai cô gái xoa tóc, gục đầu vào tường, vai rung rung vì những cơn nấc không thành tiếng.

Hiện tại đối với hấn thực phũ phàng. Hấn chợt thấy trên đời hình như có một cái gì thiêng liêng thực, có tình quyến thuộc, có tình thương yêu mà xưa nay hấn chưa thấy, chưa biết. Hấn ngỡ có lẽ vì hấn chưa từng cho đúng mức nên không nhận được đúng mức chẳng? Có một lần, hấn đã cho đúng mức, cho tất cả, thì lại cho! không đúng người, đúng chỗ. Về sau, hấn chỉ đòi hỏi, đòi thực nhiều, thực cao, mà không cho ai bao giờ. Tâm hồn hấn đen tối gần như không có một tia ánh sáng nào của tình yêu có thể lọt vào được .

Một lát sau, ba chị em bước ra. Hai cô chị mặt nghiêm trang buồn buồn, mắt

đen ngời long lanh ướt.

Minh gương cười nói:

– Tôi rất sung sướng có các bạn đến trong dịp giỗ mẹ chúng tôi. Phong tục nước tôi, đó là ngày kỷ niệm để tưởng nhớ đến công ơn cha mẹ và hội họp bà con để tăng thêm tình thân mật.

Cậu em tiếp thêm:

– Ba chị em sống chung, ngày nào cũng hội họp, đủ thân mật lắm, vì thế hôm nay chuyên để tưởng nhớ! Lệ chúng tôi, ngày thường cấm buồn, cấm khóc. Hôm nay nhân dịp giỗ mẹ, các chị tôi được phép, nên khóc một trận thả giàn để đền bù.

Quế dọn bàn, bày các thức vừa cúng ra. Minh lại giảng cho hai người bạn ngoại quốc:

– Trong nước, chúng tôi không cúng như thế này đâu! Nào là xôi chè, hoa quả, bánh trái đặc biệt ngon vô cùng. Đây vì chúng tôi ở ngoại quốc, không có những thứ ấy, nên chỉ cần lòng thành, có gì cúng nấy. Tối nay chúng tôi ăn phở, thành ra cúng phở.

Cậu em lại chế:

– Phở tái của chúng tôi là một món ăn đặc biệt và ngon ghê gớm, chứ không phải như thế này đâu! Chị tôi gọi là phở tái, kỳ thực đấy chỉ là mì ngựa!

Cậu quay lại nhìn chị:

– Có phải thế không chị? Tiền chợ của sinh viên nghèo mà! Bánh phở, chị thay bằng mì khô luộc, còn thịt bò đổi ra thịt ngựa cho rẻ. Không nói rõ, nhờ các anh ấy tưởng món phở tái quốc hồn

quốc túy của chúng mình như thế này, thì thực nhục “quốc thể”.

Quế nói:

– Hôm nay ở nước nhà chắc các anh các chị họp đông vui lắm. Nhưng không biết có ai nhớ đến chúng mình không?

– Sao lại không? Nhớ ghê lắm chứ lại! Không nhớ chúng mình thì nhớ ai?

Minh nói xong quay sang nhìn chị:

– Để em nói dốc cho chúng nó khiếp. Mình đại gì cho chúng nó biết chẳng ai nhớ, ai thương, ai nghĩ đến mình cả. À, các chị cũng liệu đấy: nếu đến cuối tháng này, chúng mình vẫn không “Cùng tắc biến, biến tắc thông” nữa, thì tháng sau một chị phải nghỉ học. Chị tìm việc gì làm, để sang năm giỗ mẹ, có tiền làm phở tái .

- Mì ngựa chứ chị!
- Ủ, gì cũng được, miễn là tiền của chúng mình thực chứ đừng như hôm nay.
- Hôm nay làm sao? Sang thế này còn đòi gì nữa. Mẹ ngày xưa thích lê, thì có lê này, ba có thuốc lá này, lại còn bánh ngọt, chè thơm. . .
- Ủ, nhưng mà phải “tổng động viên” tất cả bạn bè mới được ngân ấy . Ta đi làm “ráp” đến mấy nhà, mới “tịch thu” đủ số cần thiết.
- Lạ quá, bạn chúng mình, những người nghèo thì thực có lòng, còn đứa nào giàu thì rỏm đời, khinh người, dễ ghét một cách kỳ lạ. Nhất là ích kỷ và hà tiện thì không để đâu cho hết!
- Chuyện! Công lệ như thế rồi!

Minh quay sang Bi và Vệt nói:

– Xin lỗi hai anh nhé. Chúng tôi vừa bàn định về giỗ mẹ năm sau sẽ làm những món ăn rất đặc biệt của quê hương. Còn anh Vệt vừa về Đức thăm nhà, có chuyện gì hay kể cho chúng tôi nghe với.

Vệt vui vẻ nói:

– Tôi về thăm lại những kỷ niệm cũ, chứ có gì hay đâu! Trước hết, tôi thăm cây “Noa” đại tôi vẫn hay trèo chơi lúc bé, gần cạnh xưởng làm đàn. Tôi thương nó ghê lắm. Nó cao bằng ba tầng lầu, bóng mát tỏa ra rất xa. Nhưng rủi quá, bị người ta chặt mất rồi. Hôm ấy, tôi đứng ở gốc cây, buồn đến chết lặng cả người.

– Ngoài ra, anh còn thăm ai nữa

– Tôi đến nghĩa địa thăm mộ cha tôi. Và tôi thấy ngay bên cạnh, có một nấm

mộ mới, hoa còn tươi, đắp đất chứ chưa xây đá. Tôi lại đứng chết lặng ở đấy gần một tiếng đồng hồ.

– Mẹ anh phải không?

Vệt lắc đầu:

– Không, chú tôi. Thế mới đáng tiếc. Chú tôi mới chết có mười lăm ngày thôi. Tôi đọc trên những tấm bằng giấy cật trên vòng hoa nên biết được như thế. Trời ơi! Nếu tôi về sớm mười lăm ngày, thì đã gặp chú tôi rồi! Ngày xưa, chú thương tôi nhất, và cả gia đình, tôi cũng chỉ thương một mình chú ấy thôi!

Vệt ngừng một lúc, kể tiếp:

– Tôi vốn định không thăm ai cả, nhưng vì chú Hai mới mất, nên tôi đến tiệm bán đàn của chú Ba để thăm chú ấy. Đến nơi, tôi giả vờ hỏi mua đĩa hát, và

hỏi tin tức chú Hai chết ra sao. Thím tôi kể hôm an táng, theo lệ thường Cha nhà thờ làm lễ bao giờ cũng chỉ tán dương những điều hay, nét tốt của người chết chứ không nói xấu, thế mà vì gia đình chú tôi không trả tiền nhiều để làm lễ sang trọng nhất, nên hôm ấy họ đã kể xấu chú tôi, nào là không đi nhà thờ, không xưng tội, suốt ngày uống rượu v.v.. . đủ thứ. Mọi người, ai cũng tức giận nhưng không dám nói gì. Hừ, giá hôm ấy có tôi thì phải biết! Nghe xong tôi khóc nên chú Ba nhận ra tôi. Chú mời tôi ở lại ăn cơm và bảo tôi giống ba tôi lúc xưa như tạc. Bây giờ tôi thấy yên tâm, vì biết chắc chắn tôi chính là con của ba tôi, chứ không phải mẹ tôi đã xin con ai về nuôi!

– Chú anh gặp anh chắc mừng lắm!

– Chú tôi rất mừng giữ tôi ở lại, nhưng tôi không chịu. Xong rồi, tôi đến

thăm cái nhà thờ cổ. Cái nhà thờ sáu năm trước, một đêm mưa, bão tuyết rất lớn, tôi và Sương đã vào nấp trong ấy. Sương khó tính vô cùng. Biết tôi rất mệt mỏi, cũng cứ bắt tôi phải dịch cả một tấm bảng viết lịch sử nhà thờ cho Sương nghe. Thế kỷ thứ mười một làm gì, mười hai làm gì, mười ba sửa chỗ nào . . chán vô cùng!

– Cô ấy ham học hỏi.

– Không phải. Sương muốn hành hạ tôi thì đúng hơn. Không có một việc gì làm khổ tôi được mà Sương không làm, từ việc lớn cho đến việc nhỏ.

– Anh không thăm mẹ anh?

– Có chứ. Tôi đến thăm căn nhà chúng tôi ở hồi xưa. Những sợi dây thép gai tôi chẳng vòng theo vách tường vẫn

còn nguyên, mấy luống hồng leo tuy đã già nhưng vẫn còn sống. Tôi bấm ba lần vào cái chuông điện ngày xưa chính tay tôi bắt vào cửa vườn. Tôi nghe tiếng chân mẹ tôi đi trên gác, ánh đèn ở cửa sổ phòng bà bật sáng và nghe tiếng bà hỏi vọng qua cửa sổ “Wer lautet?” (ai bấm chuông?), xong tôi chạy mất!

– Anh không vào?

– Không. Sáu năm trước tôi đã tuyên bố không gặp mẹ tôi nữa rồi mà! Ai bảo bà ấy không nhìn nhận vợ tôi! Nhưng dù sao, tôi cũng đã nghe tiếng mẹ tôi nói, biết mẹ tôi còn khỏe mạnh, thế là đủ rồi. Điều rủi ro nhất của tôi là cây “Noa” đại của tôi bị chặt, và chú tôi chết mất.

– Tôi cho là anh vẫn còn may mắn vô cùng. Chúng tôi còn rủi hơn anh nhiều.

– Tại sao?

– Chúng tôi rất yêu mẹ, nhưng không được sống gần để làm mẹ vui, mẹ sung sướng. Mỗi khi nghĩ đến ngày về nước không còn mẹ nữa, là chúng tôi khổ đến khóc ngay được. Đối với tôi, chồng, vợ hay con, nếu rủi mất đi, vẫn có thể tìm lại rất dễ dàng, và muốn bao nhiêu cũng có, nhưng còn mẹ, suốt đời chỉ có thể có được một mẹ mà thôi!

Vệt mở to mắt nhìn hai chị em Minh. Hấn vừa kinh ngạc vừa sửng sờ. Hấn chưa từng nghe ai nói một câu kỳ quái như thế bao giờ cả!

– Nếu lúc anh trở về, trông thấy mộ mẹ nằm cạnh mộ cha, đất mới đắp còn mùi nồng, mới thật là rủi! Nhất là nếu anh chỉ về trễ có mười lăm ngày thôi!

Vệt lặng cả người:

– Điều ấy không bao giờ tôi nghĩ đến. Mẹ tôi khỏe mạnh lắm. Tôi không tin là mẹ tôi có thể chết sớm được!

– Trước kia chúng tôi cũng nghĩ thế. Tôi cũng không tin là mẹ tôi có thể chết được! Tôi tưởng mẹ tôi phải sống mãi mãi để nhìn thấy chúng tôi thành công. Thế mà tôi đã phải làm giỗ mẹ mấy lần rồi! Thật vô lý. Cho đến bây giờ, sự thực đã sờ sờ ra như thế, lắm lúc tôi vẫn còn chưa chịu tin là tôi đã không còn mẹ ở trên đời nữa!

Vệt hai mắt mở to, đăm đăm nhìn vào quãng không, mồm hăn lẩm bầm:

– Wer lautet? Wer lautet? Wer lautet?

Hăn đi lại trong phòng mấy bước và bỗng đứng dừng lại nói:

– Tôi xin cảm ơn anh bạn và hai cô đã mời ở lại ăn phở, nhưng tôi phải về ngay vì có việc bận lắm. Tôi phải cho xe vào xưởng soát lại máy và thay dầu chuẩn bị đi đường trường. Tương lai sẽ còn có dịp gặp lại.

Hắn bắt tay mọi người, vội vàng ra về, mồm vẫn lẩm bẩm “Wer lautet? Wer lautet?” Hắn muốn về ngay, vì mục đích đến tìm chị em Minh không phải để ăn phở tái hay mì ngựa, mà để hỏi ý kiến một việc, mà bây giờ hắn thấy không cần hỏi nữa!

